

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN
TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

I. SỞ CÔNG THƯƠNG			
STT	MÃ TTHC	TÊN TTHC	LĨNH VỰC
1.	1.003951	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	An toàn thực phẩm
2.	2.001682	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	An toàn thực phẩm
3.	1.003929	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	An toàn thực phẩm
5.	2.00166	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	An toàn thực phẩm
6.	1.00386	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	An toàn thực phẩm
7.	2.001595	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	An toàn thực phẩm
8.	2.001293	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm do Bộ Công Thương thực hiện	An toàn thực phẩm
9.	2.001278	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh sản phẩm thực phẩm	An toàn thực phẩm
10.	2.000591	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	An toàn thực phẩm
11.	2.000535	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	An toàn thực phẩm
12.	2.000117	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do Bộ Công Thương thực hiện	An toàn thực phẩm
13.	2.000115	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	An toàn thực phẩm

14.	2.00014	Cấp chứng chỉ kiểm định viên	An toàn vệ sinh lao động
15.	2.000066	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên	An toàn vệ sinh lao động
IV. SỐ TÀI CHÍNH			
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực
16.	2.000191	dịch chung thuộc tham quyền của Sơ Công Thương	Chuyển đổi công ty nhà nước được
17.	1.013989	Cấp Quyết định thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định	thành lập và hoạt động theo Luật
18.	1.01399	Cấp lại Quyết định thành lập, chỉnh tổ chức đại diện	Doanh nghiệp nhà nước thành công
1.	2.002667	đại diện kinh doanh của công ty nhà nước và	phạm hàng hóa
19.	2.000331	Cấp Giấy chứng nhận chuyển đổi phạm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	Công nghiệp địa phương
20.	1.001158	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	hoạt động theo quy định tại Luật Công nghiệp nặng
21.	1.01378	Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá	Chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật
2.	2.002666	Chuyển đổi công ty con chưa chuyển đổi	Doanh nghiệp nhà nước thành công
22.	1.013779	Thành lập Công ty liên doanh thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép	ty trách nhiệm hữu Công nghiệp tiêu hạn một thành viên tổ chức và
23.	1.004007	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	hoạt động theo Công nghiệp tiêu
24.	1.000981	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	Doanh nghiệp
25.	1.000949	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc	Chuyển đổi công Công nghiệp tiêu
3.	2.002665	Chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Công nghiệp tiêu
26.	1.000948	Cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	Doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu
27.	1.000911	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	hạn một thành viên tổ chức và
28.	1.000667	Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá	hoạt động theo Công nghiệp tiêu quy định tại Luật
4.	1.012509	Gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đầu thầu	Doanh nghiệp
29.	2.000209	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại	Công nghiệp tiêu
5.	1.01251	Thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đầu thầu	Đầu thầu
30.	1.000363	Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điều, xì gà	Công nghiệp tiêu
6.	1.012508	Cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đầu thầu	Đầu thầu

7.	1.012507	Cấp chứng nhận chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu	Đầu thầu Công nghiệp tiêu
31.	1.000172	Cấp chứng nhận chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất sản phẩm thuốc lá điện chấp thuận chủ trương đầu tư	dùng
8.	2.002603	Đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (Cấp tỉnh)	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư
		Chấp thuận đầu tư đối với thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo Quyết định đầu tư của nhà đầu tư	Đầu tư bằng vốn Công nghiệp tiêu dùng
32.	1.000162	Quyết định đầu tư của nhà đầu tư	chính thức (ODA)
9.	2.002551	Là nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài	và viện trợ không hoàn lại không
33.	1.012427	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	Cụm Công nghiệp thuộc hỗ trợ phát triển chính thức
34.	1.013996	Chấp thuận các tài liệu an toàn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh	Đầu tư bằng vốn
		Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn thuộc thẩm quyền của tỉnh, thành phố trực thuộc	hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)
35.	1.013987	Trung ương	Đầu tư bằng vốn
10.	2.002335	Thực hiện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	và viện trợ không hoàn lại không
36.	1.013421	Thẩm quyền cấp tỉnh	Được hỗ trợ phát triển chính thức
		Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp tỉnh	Đầu tư bằng vốn
37.	1.01342	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn thuộc thẩm quyền của tỉnh, thành phố trực thuộc	hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)
		viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	và viện trợ không
11.	2.002334	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư bằng vốn
38.	1.013419	Đầu tư bằng vốn	hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)
		Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	và viện trợ không
39.	1.013418	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn thuộc thẩm quyền của tỉnh, thành phố trực thuộc	Đầu tư bằng vốn
		viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)
12.	2.002333	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	và viện trợ không
40.	1.013417	Thẩm quyền cấp tỉnh	Đầu tư bằng vốn
		Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)
41.	1.013416	Cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	và viện trợ không
42.	1.013412	Quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	hoàn lại không
13.	1.008423	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư bằng vốn
43.	1.013411	Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)
44.	1.013401	Điều chỉnh danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	Đầu tư bằng vốn
45.	1.013395	Xác nhận chuyên gia (cấp tỉnh)	hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)
14.	2.002058	Phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	Đầu tư bằng vốn
46.	1.013394		hỗ trợ phát triển chính thức

47.	2.002676	Thông báo phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đầu nối với hệ thống điện quốc gia	Đầu tư bằng vốn Điện lực phát triển chính thức (ODA)
15.	2.002053	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	và viện trợ không hoàn lại không
48.	1.013005	phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đầu nối với hệ thống điện quốc gia	Được hỗ trợ phát triển chính thức
49.	1.013004	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đầu nối với hệ thống điện quốc gia	Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)
16.	2.00205	dùng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	và viện trợ không hoàn lại không
50.	1.00519	Đăng ký đầu nghiệp vụ giám định thương mại	Giám định thương mại hỗ trợ phát triển chính thức
51.	2.00011	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	Giám định thương mại
52.	1.012443	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)
17.	2.001991	Ký thuật, phi dự án (bao gồm dự án hỗ trợ kỹ thuật)	và viện trợ không hoàn lại không
53.	1.012442	Cấp lại Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Hóa chất thuộc hỗ trợ phát triển chính thức
54.	1.012441	Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	Hóa chất
22.	1.009772	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	Đầu tư tại Việt nam
55.	1.01244	Cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Hóa chất
56.	1.012439	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án	Đầu tư tại Việt nam
23.	1.009768	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Hóa chất
57.	1.012433	Điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3.	Hóa chất
58.	1.012438	Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	Hóa chất
59.	1.012434	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Hóa chất
32.	1.009769	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại Việt nam
60.	1.012432	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Hóa chất
61.	1.012431	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Hóa chất
62.	1.01243	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Hóa chất
41.	1.009755	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	Đầu tư tại Việt nam
63.	1.012429	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 4 Điều 30 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	Hóa chất
64.	1.009748	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	Đầu tư tại Việt nam

43.	1.009502	Tập tại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hàng nhập khẩu chất dẻo và vật dụng dẻo khác xây dựng nhà và kinh doanh vận công nghiệp	Đầu tư tại Việt nam
44.	1.009506	Tập tại giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng ngừa hàng nhập khẩu chất dẻo và vật dụng dẻo khác trong lĩnh vực công nghiệp	Đầu tư tại Việt nam
45.	2.009732	Tập tại giấy phép sản xuất hàng hóa chất dẻo và hàng hóa chất dẻo khác ngoài trong hợp đồng BCC	Đầu tư tại Việt nam
46.	1.004031 1.009729	Tập tại giấy chứng nhận đủ điều kiện xuất khẩu hàng hóa chất dẻo và hàng hóa chất dẻo khác	Đầu tư tại Việt nam
47.	1.00382	Cấp giấy phép sản xuất hàng hóa chất dẻo và hàng hóa chất dẻo khác Bảng 1	Hóa chất
48.	1.003775	Cấp lại giấy phép sản xuất hàng hóa chất dẻo và hàng hóa chất dẻo khác Bảng 1	Đầu tư tại Việt nam
49.	2.001585 1.009665	Cấp điều chỉnh giấy phép sản xuất hàng hóa chất dẻo và hàng hóa chất dẻo khác Bảng 1 và hiệu đính thông tin trên	Hóa chất
50.	1.003724	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại Việt nam
51.	1.003724	Cấp giấy phép sản xuất hàng hóa chất dẻo và hàng hóa chất dẻo khác Bảng 2, bảng	Hóa chất
52.	1.009664	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại Việt nam
53.	2.001547	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hàng hóa chất dẻo và hàng hóa chất dẻo khác	Hóa chất
54.		Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hàng hóa chất dẻo và hàng hóa chất dẻo khác	
55.	2.009663	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hàng hóa chất dẻo và hàng hóa chất dẻo khác	Đầu tư tại Việt nam
56.	2.001172	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hàng hóa chất dẻo và hàng hóa chất dẻo khác	Hóa chất
57.	1.009661	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hàng hóa chất dẻo và hàng hóa chất dẻo khác	Đầu tư tại Việt nam
58.	1.002758	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hàng hóa chất dẻo và hàng hóa chất dẻo khác	Hóa chất
59.		Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hàng hóa chất dẻo và hàng hóa chất dẻo khác	
60.	2.009659	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hàng hóa chất dẻo và hàng hóa chất dẻo khác	Đầu tư tại Việt nam
61.		Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hàng hóa chất dẻo và hàng hóa chất dẻo khác	
62.	2.000652	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hàng hóa chất dẻo và hàng hóa chất dẻo khác	Hóa chất
63.	2.000431	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hàng hóa chất dẻo và hàng hóa chất dẻo khác	Hóa chất
64.	1.009657 2.000257	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hàng hóa chất dẻo và hàng hóa chất dẻo khác	Đầu tư tại Việt nam
65.	2.000147	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hàng hóa chất dẻo và hàng hóa chất dẻo khác	Khoa học, công nghệ

82.	2.000046	Cấp thông tin báo cáo mức nhân công bóc dỡ sản phẩm	Khoa học, công
54.	1.009656	hàng hóa nhập khẩu đáp ứng hợp với quy chuẩn kỹ thuật và an toàn	Đầu tư tại Việt nam
		Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sự dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh	
83.	1.013652	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sự dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh	Khoáng sản
55.	1.009655	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương	Đầu tư tại Việt nam
84.	1.005372	nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	Kinh doanh khí
		Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương	
85.	1.005184	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sự dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn	Kinh doanh khí
56.	1.009654	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương	Đầu tư tại Việt nam
		nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	Kinh doanh khí
87.	2.00039	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện	Kinh doanh khí
		thương nhân kinh doanh mua bán LNG	
88.	1.009653	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi	Đầu tư tại Việt nam
		LNG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí
89.	2.000376	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện	Kinh doanh khí
		nhập LNG vào phương tiện vận tải	
90.	1.009651	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án	Đầu tư tại Việt nam
		đầu tư là LNG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí
91.	2.000354	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện	Kinh doanh khí
		nhập kinh doanh mua bán LNG	
92.	1.009652	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia tách, sáp nhập, sáp nhập, chuyển đổi	Đầu tư tại Việt nam
		sản xuất và phân phối LPG chấp thuận của	Kinh doanh khí
93.	2.000304	UBND cấp tỉnh nhận đủ điều kiện sản xuất	Kinh doanh khí
		chai LPG mini	
94.	1.009649	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chứng nhận đủ điều kiện	Đầu tư tại Việt nam
		xe tải vận chuyển LNG đối với dự án thuộc thẩm	Kinh doanh khí
95.	1.000706	quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	Kinh doanh khí
		Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương	
96.	1.009647	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm	Đầu tư tại Việt nam
		quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy	Kinh doanh khí
97.	2.000279	ban nhân dân cấp tỉnh	Kinh doanh khí
		nhập kinh doanh mua bán LNG	
98.	1.000646	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm	Đầu tư tại Việt nam
		quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy	Kinh doanh khí
99.	1.0005145	ban nhân dân cấp tỉnh	Kinh doanh khí
		Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương	
100.	1.000491	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp	Đầu tư tại Việt nam
64.		thị	Kinh doanh khí

101. 65.	1.000444	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư của UBND cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam
102. 66.	1.000475 1.009494	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất (cấp tỉnh)	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư
103.	2.000211	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia đầu tư vào dự án đầu tư	Kinh doanh khí
104. 67.	1.009493 1.000455	Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư
105. 68.	1.000444 1.009491	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia đầu tư vào dự án đầu tư	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư
106. 69.	1.000444 1.009491	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia đầu tư vào dự án đầu tư	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư
107.	2.000201	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia đầu tư vào dự án đầu tư	Kinh doanh khí
108. 70.	2.000766	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia đầu tư vào dự án đầu tư	Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn
109. 71.	2.000194 1.001664	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia đầu tư vào dự án đầu tư	Kinh doanh khí
110.	2.000187	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia đầu tư vào dự án đầu tư	Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn
111. 72.	2.000746 1.000425	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia đầu tư vào dự án đầu tư	Kinh doanh khí
112.	2.00018	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia đầu tư vào dự án đầu tư	Kinh doanh khí
113. 73.	2.002418 2.000175	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia đầu tư vào dự án đầu tư	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa
114. 74.	2.000166	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia đầu tư vào dự án đầu tư	Kinh doanh khí
115. 75.	2.000063	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia đầu tư vào dự án đầu tư	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa
116. 76.	2.000999	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia đầu tư vào dự án đầu tư	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa
117. 77.	2.000156	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia đầu tư vào dự án đầu tư	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa
118. 78.	2.000046	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia đầu tư vào dự án đầu tư	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa
79.	2.000005	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

119. 80.	3.000442	Cấp Giấy phép bán buôn dầu hỏa cho đối nhất tài sản không có bản kê	Quản lý công sản
120. 82.	3.000327 3.000328	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương mại kinh doanh mua bán LPG	Quản lý công sản
121. 83.	3.000326	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tại sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bí mật, hủy hoại	Quản lý công sản
122. 84.	3.000323	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện vận tải LPG và vận tải thủy lợi	Quản lý công sản
123. 86.	3.000324 1.010696 3.000291	Cấp Giấy phép bán buôn xăng dầu cho doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ Tham định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất	Quản lý công sản Quản lý công sản
124. 87.	1.005376 3.000257	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển rượu giáo công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân	Lưu thông hàng hóa trong nước
125.	1.004021	Cấp giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) Chuyển giao công trình điện là hạ tầng kỹ	Lưu thông hàng hóa trong nước
126. 88.	3.000292	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp thủy lợi từ 3 triệu lít/năm trở lên) phải bàn giao lại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật	Lưu thông hàng hóa trong nước
127.	1.003977	Cấp giấy phép phân phối rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước
128.	1.011769 2.001646	Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài	Quản lý công sản Lưu thông hàng hóa trong nước
129.	1.006222 2.001636	Cấp là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp	Quản lý công sản hóa trong nước
130. 91.	2.001621	Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp	Lưu thông hàng hóa trong nước
131.	2.001624	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử	Lưu thông hàng hóa trong nước
132.	1.005437 2.001619	Cấp sản phẩm của rượu Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh thành phố trực thuộc tuyến đường thác tài sản công	Quản lý công sản Lưu thông hàng hóa trong nước
133. 93.	1.003101 1.005436	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử	Lưu thông hàng hóa trong nước
134.	2.000673	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Quản lý công sản Lưu thông hàng hóa trong nước
135. 95.	1.012744 2.000672	Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Quản lý giá hóa trong nước
136. 96.	1.012735 3.000668	Hiệp thương giá Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Quản lý giá hóa trong nước

137.	2.000666	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Lưu thông hàng hóa trong nước
138.	2.002732 2.000664	Thủ tục Chăm sóc, dứt hiệu lực và thu hồi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Quản lý tài sản công
139.	2.000648	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu công nghiệp sinh thái	Quản lý tài sản công
140.	2.000647	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Quản lý tài sản công
141.	2.002728 1.001338	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái	Quản lý tài sản công
142.	3.000645	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư theo chương trình đầu tư công	Quản lý tài sản công
143.	1.001323 3.000431	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Quản lý tài sản công
144.	2.00064 3.00043	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư chuyên gia giao tải sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị	Quản lý tài sản công
145.	2.000637 3.000433	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trong cây thuốc lá	Quản lý tài sản công
146.	2.000636 3.000432	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Quản lý tài sản công
147.	2.000626 3.000429	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Quản lý tài sản công
148.	2.000622 3.000428	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Quản lý tài sản công
149.	2.000598 3.000426	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Quản lý tài sản công
150.	2.000204	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Quản lý tài sản công
151.	3.000434	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trong cây thuốc lá	Quản lý tài sản công
152.	2.00019	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Quản lý tài sản công
153.	3.000426	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Quản lý tài sản công
154.	2.000167	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Quản lý tài sản công

155.	1.013471	Xét tăng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, Thủ tục khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải tại Hội đồng cấp tỉnh	Quản lý thuế, phí, Nghề thủ công mỹ thuế, phí và thu khác của ngân sách nhà nước
156.			
111.	2.001573	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp	Quản lý bán hàng đa cấp
157.	1.008603	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	Thuế, phí và thu khác của ngân sách nhà nước
	1.003705	Thống kê chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	Quản lý bán hàng đa cấp
158.	1.012996	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với Đang ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ bán hàng đa cấp tại địa phương	Quản lý bất động sản
159.	2.000619	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp trong trường hợp được bố trí tại định cư cấp tại địa phương	Quản lý bất động sản
160.	1.012994	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định thanh bảo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo ở cơ sở về bán hàng đa cấp	Quản lý bất động sản
161.	3.000314	Thủ tục xử lý miễn lãi các khoản lãi chậm nộp Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (cấp Tỉnh)	Quản lý bán hàng đa cấp
162.	2.000309	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương Thủ tục cấp tạm ứng kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị của địa phương	Quản lý bán hàng đa cấp
163.	1.012569	Thủ tục cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị tài sản kết cấu hạ tầng đơn vị tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Tài sản kết cấu hạ tầng, chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý
164.	1.012567	Thủ tục cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị tài sản kết cấu hạ tầng đơn vị tài sản kết cấu hạ tầng khách sạn công đoàn	Tài sản kết cấu hạ tầng, chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý
118.	3.000161	Đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 3 Điều 4, Khoản 3 Điều 5 Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của Thủ Đang ký thương nhân hoạt động thương mại tương: Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách bằng xe buýt	Thương mại biên giới và miền núi
165.	2.001272	Thông báo bằng dụng cụ thương mại điện tử bán hàng	Thương mại điện tử
166.	1.00339	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	Thương mại điện tử
167.	1.00088	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi loại hình thành của hàng tiền lợi, siêu thị mini	Thương mại quốc tế
119.	1.01003	Đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	Thương mại quốc tế
168.	2.000243	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	Thương mại quốc tế
170.	2.000665		

171. 121.	1.001441 1.010029	Thông báo, về việc sáp nhập công ty trong Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty	Thương mại quốc tế Thành lập và hoạt động của doanh
172.	2.000662	nhập sáp nhập không thay đổi nội dung đăng Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	Thương mại quốc tế
173.	1.010027 2.00045	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
174. 123.	2.00037 1.010026	Thông báo thay đổi thông tin cơ sở kinh đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin nhập khẩu, tuyên nhận quyền sở hữu lưu giữ hàng hóa của người không báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế cơ vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện	Thương mại quốc tế Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
175. 124.	2.000362 1.010023	quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải đương; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	Thương mại quốc tế Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
125. 176.	1.01001 2.000361	Đăng ký đăng ký cơ sở bán lẻ thứ nhất cơ sở hàng hóa ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra như cầu kinh tế (ENT)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
126.	2.002085	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
177. 127.	2.000351 2.002083	tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	Thương mại quốc tế Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
178.	1.000774	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực dăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông	Thương mại quốc tế
179.	2.000347	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng bảo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Việt Nam	Thương mại quốc tế
180.	2.000346	Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư Đăng lại Giấy phép kinh doanh đăng ký kinh hình tổ chức đầu tư nước ngoài trị pháp lý	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
181.	2.000339	trương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ đăng ký, văn phòng đại diện địa chỉ trụ sở trụ sở chính, tên địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại quan đăng ký đầu tư, cấp đối với chi nhánh, hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giám đốc văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	Thương mại quốc tế
182.	2.000334	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m2	Thương mại quốc tế

183.	2.00033	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận	Thương mại quốc tế
184.	2.000327	Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy	Thương mại quốc tế
185. 129.	2.000322 2.002075	Điều chỉnh đăng ký kinh doanh (đối với các giấy tờ cần ghi rõ ràng và trung thực, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực	Thương mại, quốc tế Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
186.	2.000314	Điều chỉnh đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thương mại quốc tế
187.	2.000272	Điều chỉnh đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thương mại quốc tế
188.	1.005169 2.000255	Điều chỉnh đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thương mại quốc tế
189.	1.000376	Điều chỉnh đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thương mại quốc tế
190. 132.	1.000361 2.00207	Điều chỉnh đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thương mại quốc tế
191.	1.000358	Điều chỉnh đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thương mại quốc tế
192.	2.000129	Điều chỉnh đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thương mại quốc tế
193. 134.	1.000168 2.00206	Điều chỉnh đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thương mại quốc tế
194.	2.000063	Điều chỉnh đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thương mại quốc tế
195.	2.001059	Điều chỉnh đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thương mại quốc tế
196. 136.	2.001665 2.002057	Điều chỉnh đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thương mại quốc tế
197.	1.001292	Điều chỉnh đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thương mại quốc tế
137.	2.002045 2.000628	Điều chỉnh đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thương mại quốc tế
138. 199.	2.002044	Điều chỉnh đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thương mại quốc tế

200.	1.001071	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thủ công nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
201.			
140.	2.000618 2.002042	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thủ công nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
202.			
141.	2.000613	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thủ công nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
203.	2.002041 2.000604	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
204.			
142.	1.000878 2.002034	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
205.			
143.	2.000401 2.002033	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty trách nhiệm hữu hạn	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
206.	2.000251	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
144.			
207.	2.002032 1.013058	Cấp phép hành nghề thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
208.	2.001434	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
209.	2.001433 2.002031	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
210.	1.003401	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
211.	1.000998	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
212.	2.000929	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
213.	2.000223	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
214.	2.000221	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp

214.	2.00002	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
215.	2.00017	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trên chất nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
217.	1.013991	Cấp phép nhập khẩu mặt hàng có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh	Xuất nhập khẩu
151.	2.002017	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
218.	1.013778	Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa qua cảnh	Xuất nhập khẩu
219.	2.005406	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
153.	2.002015	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung, Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
220.	1.005405	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	Xuất nhập khẩu
154.	2.002011	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm xuất, tái nhập; Giấy phép kinh doanh chuyên khẩu	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
221.	1.004191	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần)	Xuất nhập khẩu
155.	2.00201	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
222.	1.004181	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn	Xuất nhập khẩu
156.	2.002009	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
223.	2.001758	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn	Xuất nhập khẩu
157.	2.002008	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
224.	1.004155	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh	Xuất nhập khẩu
158.	1.005114	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
225.	1.003438	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh	Xuất nhập khẩu
159.	2.002	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
226.	2.001264	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh	Xuất nhập khẩu
160.	2.001996	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
227.	1.004939	Thủ tục đăng ký kinh doanh tại khu (điểm) công nghiệp	Xuất nhập khẩu
161.	2.001993	Thủ tục đăng ký kinh doanh tại khu (điểm) công nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
228.	1.001419	Cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá	Xuất nhập khẩu
162.	2.001992	Thông báo thay đổi cơ sở đăng ký nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp

229.	1.001938	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
230.	1.001614	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
231.	1.001983	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập tái xuất	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
232.	1.000957 2.001199	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
233.	1.000905	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
167.	2.000416	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp xã hội
234.	1.00089	Thủ tục Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	Xuất nhập khẩu
168.	2.000375	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội môi trường của doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
235.	1.000551	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mẫu số kinh doanh tạm nhập, tái xuất	Xuất nhập khẩu
169.	2.000368	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu hàng hóa	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
236.	1.000477	Cấp chứng thư xuất khẩu cho hàng dệt may đạt diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	Xuất nhập khẩu
237.	2.000061	Đăng ký vốn điều lệ do cơ quan quản lý thuế (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp
238.	1.00035	Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp
239.	2.000024	Đăng ký vốn điều lệ do cơ quan quản lý thuế (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp
240.	2.002607	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	Xúc tiến thương mại
172.	1.002395 2.002605	Sửa đổi 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc được giao quản lý)	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp
241.	2.001021	Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp
242.	2.002604	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	Xúc tiến thương mại
173.	2.001021	Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp
243.	2.002608	Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp

244.	2.002606	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ
174.	2.000529	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	Xúc tiến thương mại
245.	2.001474	Đăng ký đăng ký hộ kinh doanh nội dung thông tin học - Thông kê mại	Xúc tiến thương mại
246.	2.000106	Đăng ký đăng ký hộ kinh doanh nội dung thông tin học - Thông kê mại	Xúc tiến thương mại
247.	2.000111	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại	Xúc tiến thương mại
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực
248.	2.000034	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Xúc tiến thương mại
1.	1.013994	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại	Xúc tiến thương mại
249.	2.000026	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất	Xúc tiến thương mại
250.	1.013993	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Xúc tiến thương mại
2.	2.000004	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Xúc tiến thương mại
251.	2.000002	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Xúc tiến thương mại
3.	1.013995	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Xúc tiến thương mại
252.	2.000001	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Xúc tiến thương mại
II. SỐ Y TẾ		Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực
1.	1.013996	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy của sản phẩm thuốc lá	Phòng bệnh
2.	1.013895	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy của sản phẩm thuốc lá	Phòng bệnh
3.	1.013898	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy của sản phẩm thuốc lá	Phòng bệnh
4.	1.013893	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do bị hỏng, bị mất.	Phòng bệnh

5.	1.013892	Đình chỉ lưu hành, thu hồi sổ đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng được hợp pháp đăng ký lưu hành, thu hồi quyền sở hữu tài sản	Phòng bệnh
6.	1.013887	gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sở hữu sổ đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia đình và y tế	Phòng bệnh
7.	1.01389	Công bố đầu đầu sản phẩm hiện hoạt động, quyền sở hữu công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm	Phòng bệnh
8.	1.013889	Suy đồi, bỏ sung cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu đất đai (QSHĐ) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia đình và y tế	Phòng bệnh
6.	1.01398	quyết định chấp thuận, tổ cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; dụng và y tế là quà biếu, cho tặng	Đất đai
9.	1.013884	hợp pháp cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền sở hữu đất đai, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả quyền lợi và nghĩa vụ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Phòng bệnh
10.	1.013881	gắn liền với đất đai, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả quyền lợi và nghĩa vụ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Phòng bệnh
11.	1.01388	gắn liền với đất đai, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả quyền lợi và nghĩa vụ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Phòng bệnh
12.	1.013879	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền sở hữu đất đai, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả quyền lợi và nghĩa vụ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Phòng bệnh
13.	1.01387	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền sở hữu đất đai, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả quyền lợi và nghĩa vụ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Phòng bệnh
14.	1.013869	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền sở hữu đất đai, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả quyền lợi và nghĩa vụ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Phòng bệnh
7.	1.013977	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền sở hữu đất đai, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả quyền lợi và nghĩa vụ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Đất đai
15.	1.013866	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền sở hữu đất đai, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả quyền lợi và nghĩa vụ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Phòng bệnh
16.	1.013864	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền sở hữu đất đai, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả quyền lợi và nghĩa vụ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Phòng bệnh
8.	1.013947	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp	Đất đai
9.	1.013946	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia đình và y tế	Đất đai
17.	1.013883	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền sở hữu đất đai, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả quyền lợi và nghĩa vụ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Phòng bệnh
10.	1.013945	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền sở hữu đất đai, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả quyền lợi và nghĩa vụ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Đất đai
18.	1.013876	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền sở hữu đất đai, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả quyền lợi và nghĩa vụ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Khí tượng, thủy văn

19.	1.013874	Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thay đổi được nguồn gốc mà Công bố nhãn hiệu cho người Việt Nam lần đầu tiên đồng với thông tin gia đình và ký tự trọng thủy văn, giám sát biên giới khí hậu trong địa giới hành chính của tỉnh tam thân.	Phòng bệnh
20.	1.013861 1.013872	Trồng bảo vệ để điều ước quốc tế về Công bố nhãn hiệu cho người Việt Nam lần đầu tiên đồng với thông tin gia đình và ký tự trọng thủy văn, giám sát biên giới khí hậu trong địa giới hành chính của tỉnh tam thân.	Khí tượng, thủy văn Phòng bệnh
21.	1.013871	Bộ nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần.	Tổ chức cán bộ
22.	1.013867	Đăng ký biến động đối tượng thương mại tên địa chỉ hiện tại của đơn vị đăng ký sử dụng đất, sửa chữa chế phẩm đất liền trong đất đai chuyển đổi sang hoặc địa chỉ dùng nhà đất, thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc cơ sở xét nghiệm đất tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do thay đổi tên của cơ sở xét nghiệm.	Phòng bệnh
23.	1.013833	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV	Đất đai
24.	1.013865	Đổi lại giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV	Phòng bệnh
25.	1.013886	Cấp phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất; đăng ký biến động quyền sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	Phòng bệnh
26.	1.013878	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đất tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III.	Phòng bệnh
27.	1.013875	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất; quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất; quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án đầu tư.	Phòng bệnh
28.	1.013873	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm kháng thể HIV dương tính.	Phòng bệnh
29.	1.013831 1.013894	Cấp lại Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy đất; quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án đầu tư.	Đất đai Phòng bệnh
30.	1.013891	Đăng ký lưu hành bổ sung các chất hoạt chất bán dẫn cho người Việt Nam lần đầu tiên đồng với thông tin gia đình và ký tự trọng thủy văn, giám sát biên giới khí hậu trong địa giới hành chính của tỉnh tam thân.	Phòng bệnh
31.	1.013868 1.013828	nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, nguồn hoạt chất.	Phòng bệnh Đất đai
32.	1.013862	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	An toàn thực phẩm

33.	1.013858	Đăng ký bản quyền đối với sản phẩm nhập khẩu đất, đồ chơi thực phẩm dùng để dùng dụng cụ sai	An toàn thực phẩm
17.	1.013827	Định giá hàng hóa quy định 36 tháng để địa	Đất đai
34.	1.013857	Chính quyền sở hữu kinh nghiệm thực phẩm phê	An toàn thực phẩm
35.	1.013854	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm	An toàn thực phẩm
36.	1.01385	Đăng đất đai, đối, hồng ứng phẩm đất, bđinh	An toàn thực phẩm
18.	1.013823	Có sử dụng đất, trường hợp giao đất, cho thuê	Đất đai
37.	1.013845	Công nhân cơ sở khám bệnh, chữa bệnh,	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em
19.	1.013825	Chuyên hình thực giao đất, cho thuê đất	Đất đai
38.	1.013809	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất	An toàn thực phẩm
21.	1.013813	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện	Thú y
39.	1.013851	Đăng ký xuất khẩu hàng hóa đối với thực phẩm,	An toàn thực phẩm
40.	1.013811	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản	An toàn thực phẩm
41.	1.013899	Loạt thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh	An toàn thực phẩm
24.	3.000436	cứu khoa học trong vùng biên thuộc quản lý	Biển và hải đảo
25.	3.000438	Cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa	Biển và hải đảo
26.	3.000435	Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng	Biển và hải đảo

27.	3.000437	Miền địa kỹ thuật giám sát đối với hệ số kiểm tra cấp thực phẩm đã được tổ chức công	Biển và hải đảo
28.	1.013644	nhân hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến công nhận ngoại là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công đan tỉnh	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai thực
42.	1.013841	nhân phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội	phẩm
29.	2.002749	Đông nhân phòng thí nghiệm đất trên Giấy Định Đơn đăng ký và cấp đất ở nhà ở công nhận quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện	Đất đai
43.	1.013838	Cần giấy đăng nhận lưu hành trên (GFS) để đội an ninh sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế về nhận quyền sử	An toàn thực đất đai
30.	2.00275	đang chờ chờ chờ chờ chờ chờ chờ chờ chờ chờ	
44.	1.013829	đang chờ chờ chờ chờ chờ chờ chờ chờ chờ chờ	An toàn thực phẩm
31.	1.013326	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung	Địa chất và khảo sát địa
45.	3.000448	Cấp giấy đăng nhận lưu hành trên (GFS) để đội an ninh sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế về nhận quyền sử	Địa chất và khảo sát địa
46.	1.013827	Tập lập giấy đăng nhận lưu hành trên (GFS) để đội an ninh sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế về nhận quyền sử	Địa chất và khảo sát địa
33.	1.013323	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản
47.	1.013824	Giấy đăng nhận lưu hành trên (GFS) để đội an ninh sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế về nhận quyền sử	Khoa học, công nghệ và đào tạo khoáng sản
34.	1.013322	Giấy đăng nhận lưu hành trên (GFS) để đội an ninh sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế về nhận quyền sử	Địa chất và khoáng sản
35.	1.013321	khám bệnh, chữa bệnh. Cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản
36.	3.000445	Tiếp tục cho lưu hành thiết bị y tế trong trường hợp kết quả khảo sát đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	Địa chất và thiết bị y tế
37.	1.012921	Viết tắt bằng chữ cái Latinh để tham quyền quyết định của địa phương	Lâm nghiệp
49.	3.000449	Quyết định hoặc từ đầu tư đầu tư đầu tư đầu tư	Thiết bị y tế
38.	1.012833	giải thể đối với các chính sách hỗ trợ	Chăn nuôi
50.	1.012832	đầu tư theo Luật Đầu tư công. Thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp Đội an ninh sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế về nhận quyền sử	Bảo trợ xã hội Chăn nuôi
40.	1.013835	Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi	Bảo trợ xã hội
41.	1.013834	Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi	Chăn nuôi Bảo trợ xã hội
42.	1.012821	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất	Đất đai
43.	1.012805	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp tỉnh	Đất đai

53.	1.013037	Hủy hồi Giay chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Phòng bệnh
44.	1.012791	Đổi hình thức bất động sản từ đất đai phiện bằng thuốc thay đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Đất đai
54.	1.013036	Đổi hình thức bất động sản từ đất đai phiện bằng thuốc thay đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Phòng bệnh
45.	1.012787	Đổi hình thức bất động sản từ đất đai phiện bằng thuốc thay đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Đất đai
55.	1.013035	Đổi hình thức bất động sản từ đất đai phiện bằng thuốc thay đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Phòng bệnh
46.	1.012786	Cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Đất đai
56.	1.013034	Cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Phòng bệnh
57.	2.002685	Đổi hình thức bất động sản từ đất đai phiện bằng thuốc thay đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Phòng bệnh
47.	1.012785	Đổi hình thức bất động sản từ đất đai phiện bằng thuốc thay đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Đất đai
58.	2.002684	Đổi hình thức bất động sản từ đất đai phiện bằng thuốc thay đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Phòng bệnh
48.	1.012784	Cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Đất đai
59.	2.002683	Cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Phòng bệnh
60.	1.012993	Đổi hình thức bất động sản từ đất đai phiện bằng thuốc thay đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Bảo trợ xã hội
61.	1.012992	Đổi hình thức bất động sản từ đất đai phiện bằng thuốc thay đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Bảo trợ xã hội
50.	1.01279	Đổi hình thức bất động sản từ đất đai phiện bằng thuốc thay đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Đất đai
62.	1.012789	Cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Đất đai
63.	1.012788	Cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Bảo trợ xã hội
52.	1.012783	Cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Đất đai
63.	1.01299	Cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Bảo trợ xã hội
64.	1.012422	Đổi hình thức bất động sản từ đất đai phiện bằng thuốc thay đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Thi đua, khen thưởng
53.	1.012782	Đổi hình thức bất động sản từ đất đai phiện bằng thuốc thay đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Đất đai
65.	1.012419	Cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Y Dược cổ truyền
64.	1.012781	Cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Y Dược cổ truyền
67.	1.012417	Cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Y Dược cổ truyền
55.	1.012766	Cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Đất đai
68.	1.012415	Cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Y Dược cổ truyền
56.	1.012756	Cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Đất đai
57.	1.012692	Cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Kiểm lâm
		BYT	Y Dược cổ truyền

58.	1.012691	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trồng cây, nhập lâm nghiệp trồng giá	Kiểm lâm
59.	1.012689	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trồng cây, nhập lâm nghiệp trồng giá	Kiểm lâm, chữa bệnh
60.	1.012687	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp
61.	1.01269	Cấp công giấy phép hành nghề phục vụ bảo vệ rừng	Kiểm lâm
62.	1.012503	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo hoặc nuôi cấy	Khám bệnh, chữa bệnh
63.	1.012502	chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Tài nguyên nước
64.	1.012505	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước
72.	1.012291	Chấp thuận nội dung về phương án chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước	Khám bệnh, chữa bệnh
65.	1.012504	chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Tài nguyên nước
66.	1.012501	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước
67.	1.0125	hợp đồng cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá	Tài nguyên nước
73.	1.01229	Chấp thuận nội dung về phương án chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước	Khám bệnh, chữa bệnh
68.	1.012498	Chấp thuận nội dung về phương án chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước
69.	1.012413	Phê duyệt hoặc chỉnh sửa phương án sử dụng rừng	Kiểm lâm
74.	1.012281	Quyết định cho phép tổ chức cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng	Khám bệnh, chữa bệnh
70.	1.012075	Khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	Trồng trọt
75.	1.01228	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh
76.	1.012079	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng	Khám bệnh, chữa bệnh
77.	1.012070	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Trồng trọt
78.	1.012075	Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định	Khám bệnh, chữa bệnh
79.	1.012075	Đăng ký bệnh bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ	Trồng trọt
74.	1.012073	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt

75.	1.01207	Cấp giấy quyền hành nghề đối với người có bài	Trồng trọt
79.	1.012271	Được chuyển theo quy định, bắt buộc có bài	Khám bệnh, chữa
76.	1.012064	Thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	bệnh Trồng trọt
80.	1.012068	Cấp giấy phép hành nghề đối với người có bài	Khám bệnh, chữa bệnh
78.	1.012062	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hợp pháp đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt
81.	1.012273	Thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Khám bệnh, chữa
79.	1.012004	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hợp pháp đại diện quyền đối với giống cây trồng	bệnh Trồng trọt
80.	1.012003	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hợp pháp đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt
82.	1.012272	Thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Khám bệnh, chữa
81.	1.012002	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hợp pháp đại diện quyền đối với giống cây trồng	bệnh Trồng trọt
83.	1.012001	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hợp pháp đại diện quyền đối với giống cây trồng	Khám bệnh, chữa bệnh
84.	1.012262	Xếp bậc Giấy chứng nhận đủ điều kiện hợp pháp đại diện quyền đối với giống cây trồng	Khám bệnh, chữa bệnh
83.	1.012000	Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa	Trồng trọt
85.	1.012261	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	Khám bệnh, chữa bệnh
84.	1.011999	Cấp phép người nước ngoài vào Việt Nam	Trồng trọt
86.	1.012258	giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân chuyên giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh
85.	1.011998	quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt
86.	1.011671	Cấp phép tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, và ban tổ	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý
87.	1.012257	chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 của Luật Khám	Khám bệnh, chữa bệnh
87.	1.011647	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo	Khoa học, Công nghệ và Môi trường
88.	1.011518	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy	
88.	1.012256	phong hóa chất khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành	Tài nguyên nước
89.	1.011516	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước	Khám bệnh, chữa bệnh
89.	1.012097	Tiền (cấp ứng) giấy chứng nhận bị nhiễm HIV	Tài nguyên nước
		do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	Phòng bệnh
90.	1.011475	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn dịch bệnh	
		đồng và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu) nghề nghiệp	Thú y Phòng bệnh
91.	1.009566	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn dịch bệnh	
91.	1.011479	đối với mỹ phẩm, sản xuất trong nước để xuất khẩu	Mỹ phẩm Thú y
		đồng và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn dịch bệnh phục vụ xuất	
		khẩu) bỏ đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bảo	
92.	1.009407	chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám	
92.	1.011478	bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền, thực	Y Dược cổ truyền
		đồng và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu)	Thú y

93.	1.009346 1.011477	Cấp Giấy chứng nhận Đăng Vỡ Ngủ an toàn dịch bệnh (phòng sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Thi đua, khen thưởng
94.	1.009249	Cấp Giấy chứng nhận Đăng Vỡ Ngủ an toàn dịch bệnh (phòng sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Thi đua, khen thưởng
94.	1.00678	Cấp Giấy chứng nhận Đăng Vỡ Ngủ an toàn dịch bệnh (phòng sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Thi đua, khen thưởng
95.	3.000415	Cấp Giấy chứng nhận Đăng Vỡ Ngủ an toàn dịch bệnh (phòng sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Thi đua, khen thưởng
96.	1.004946	Cấp Giấy chứng nhận Đăng Vỡ Ngủ an toàn dịch bệnh (phòng sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Thi đua, khen thưởng
97.	1.011031	Cấp Giấy chứng nhận Đăng Vỡ Ngủ an toàn dịch bệnh (phòng sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Thi đua, khen thưởng
98.	1.004616 1.011032	Cấp Giấy chứng nhận Đăng Vỡ Ngủ an toàn dịch bệnh (phòng sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Thi đua, khen thưởng
99.	1.010733	Cấp Giấy chứng nhận Đăng Vỡ Ngủ an toàn dịch bệnh (phòng sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Thi đua, khen thưởng
100.	1.004599	Cấp Giấy chứng nhận Đăng Vỡ Ngủ an toàn dịch bệnh (phòng sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Thi đua, khen thưởng
101.	1.010728	Cấp Giấy chứng nhận Đăng Vỡ Ngủ an toàn dịch bệnh (phòng sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Thi đua, khen thưởng
102.	1.004593	Cấp Giấy chứng nhận Đăng Vỡ Ngủ an toàn dịch bệnh (phòng sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Thi đua, khen thưởng
103.	1.010729	Cấp Giấy chứng nhận Đăng Vỡ Ngủ an toàn dịch bệnh (phòng sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Thi đua, khen thưởng
104.	3.000198	Cấp Giấy chứng nhận Đăng Vỡ Ngủ an toàn dịch bệnh (phòng sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Thi đua, khen thưởng
105.	1.01009	Cấp Giấy chứng nhận Đăng Vỡ Ngủ an toàn dịch bệnh (phòng sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Thi đua, khen thưởng
106.	1.009669	Cấp Giấy chứng nhận Đăng Vỡ Ngủ an toàn dịch bệnh (phòng sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Thi đua, khen thưởng

107.	3.00018	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, bị hỏng doanh được cho cơ sở thay đổi loại hình kinh	Lâm nghiệp
108.	3.000179	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp
103.		điểm kinh doanh được thuộc thẩm quyền của	
109.	1.004585 1.009481	Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà	Dược phẩm Biển và hải đảo
110.	1.009478	thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ. Đăng ký công bố, hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	Khoa học, Công nghệ và Môi trường
		do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
104.	3.000156	Thêm điểm kinh doanh thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc có truyền) góc gỗ trước khi xuất khẩu	Kiểm lâm
112.	3.000159	sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc có truyền) góc gỗ trước khi xuất khẩu	Kiểm lâm
113.	1.008682	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
105.	1.004571	Cấp giấy phép trao đổi, mua bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuốc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	Dược phẩm Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
114.	1.008675	thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc có truyền)	
106.	1.008632	Cấp giấy phép khai thác loài thuốc Danh mục Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
116.	3.000152	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành sư trong đào tạo kỹ thuật sản xuất thuốc đối với	Kiểm lâm
107.	1.004539	các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và	Khoa học, công nghệ và đào tạo
117.	1.00841	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh) thuốc	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai
118.	1.008409	huống thân, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là được chất gây nghiện, được chất để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh)	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai Dược phẩm
108.	1.004532	sử dụng, kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc	
119.	1.008408	Phong viện tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh) thuốc	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai
120.			
109.	1.008129 1.004529	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Chăn nuôi Dược phẩm
		quyền của Sở Y tế	

121. 110.	1.008126 1.004516	Cấp phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	Chăn nuôi Dược phẩm
122.	1.008125	Miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Chăn nuôi
111.	1.004483	Cấp phép nhập khẩu thuốc đáp ứng nhu cầu cấp bách	Dược phẩm
123.	1.008122	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	Chăn nuôi
112.	1.004459	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục tin dùng của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Dược phẩm
124.	3.000127	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	Chăn nuôi
125.	1.008128	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người	Chăn nuôi
113. 126.	1.004449 1.008127	Cấp phép nhập khẩu thuốc đặc biệt, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người	Dược phẩm Chăn nuôi
127.	1.008124	Đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Chăn nuôi
128. 114.	3.00013 1.004087	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người	Chăn nuôi Dược phẩm
129.	3.000129	Công bố đại thông tin sản phẩm để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	Chăn nuôi
130. 115.	3.000128 1.00407	Công bố công dụng khám, kiểm tra, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh, diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Chăn nuôi Phòng bệnh
116.	1.004062	Cấp Quyết định, phúc hồi Quyết định công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Trồng trọt Phòng bệnh
117.	1.003963	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc	Dược phẩm
118. 132.	1.003958 1.007999	Công bố đầu lưu hành thuốc và nghiệm thu khảo nghiệm thuốc nông thôn lớn, thuốc đặc tế (bao gồm cả việc cây trồng biến đổi gen)	Phòng bệnh Trồng trọt
119.	1.00358	được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định lưu hành giống cây trồng).	Phòng bệnh
120. 133.	1.003073 1.007998	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm Trồng trọt
121.	1.003064	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm
122.	1.003055	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm

123.	1.003048	Cấp hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh và bắt lại biên y tế lây truyền chưa được cấp quyết định	Tài chính y tế
134.	1.003099	Công nhân lưu hành hoặc tự công bố lưu hành công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D. Danh mục nguồn gen giống cây trồng cần xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, thực hiện	Thông tin y tế
125.		Khả năng điều trị bệnh, chữa bệnh bảo đảm hiệu lực đối với các đối tượng bệnh nhân	
135.	1.003034 1.007933	bệnh được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt bổ sung chỉ định, chẩn đoán, phân bổn chuyên môn, cấp chuyên môn kỹ thuật trong cấp thực hiện khám bệnh, chữa bệnh	Tài chính y tế Bảo vệ thực vật
136.	1.007932	Cấp thực hiện khám bệnh, chữa bệnh	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
126.		bán phân bón	
137.	1.003029 1.007931	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B Điều kiện buôn bán phân bón	Thiết bị y tế Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
127.		Ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo	Tài chính y tế
138.	2.001252 1.007929	hiêm y tế hằng năm Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
128.		Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị	Thiết bị y tế
139.	1.003006 1.007928	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
129.		Thành toán chi phí Khám bệnh, chữa bệnh	
140.	1.002995 1.007927	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón và cơ quan Bảo hiểm xã hội	Tài chính y tế Bảo vệ thực vật
140.	1.007944	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
131.		Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định	
142.	1.0026 1.007918	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm mý phẩm sản xuất trong nước	Mỹ phẩm Lâm nghiệp
132.	1.002564	Cấp giấy xác nhận một nhân viên cấp đánh quyết định diệt côn trùng, diệt khuẩn	Phòng bệnh
143.		dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	
133.	1.007916 1.002483	Phê duyệt hợp tác trong rừng thay thế đối với Cấp giấy xác nhận dẫn không quản lý rừng thay thế	Lâm nghiệp Mỹ phẩm
144.	1.005408	Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc khai thác khoáng sản khác trong khu vực địa không sản xuất khoáng sản	Địa chất và Phòng bệnh khoáng sản
145.	1.005401 1.002399	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc thẩm quyền của Sở	Biển và hải đảo Dược phẩm
146.	1.0054	Sự đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo
136.		Cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế	Phòng bệnh
147.	2.000997 1.005399	hoặc áp dụng biện pháp dự phòng Trả lại khu vực biển (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo
137.	2.000993	Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải	Phòng bệnh

138. 148.	2.000981 1.005319	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế thú y)	Phòng bệnh Thú y
139.	2.000972	Cấp Chứng chỉ hành nghề thú y - Cấp Tỉnh, hai cột	Phòng bệnh
149. 140.	1.005189 1.002035	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh) và công nhận thành thạo ngôn ngữ trong hành nghề được	Biển và hải đảo Dược phẩm
150. 141.	1.005181 1.001908	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, Công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong hành nghề được	Biển và hải đảo Dược phẩm
151. 142.	1.004943 1.001893	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản, Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kệ thuốc	Thủy sản, Dược phẩm
152. 143.	1.004935 1.001806	Quyết định công nhận khu vực sản xuất (cấp tỉnh) doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	Biển và hải đảo Bảo trợ xã hội
153.	1.004929	Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá	Thủy sản
144. 154.	1.001523 1.004923	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền quản lý của ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	Tổ chức cán bộ Thủy sản
145.	1.004924	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	Thủy sản, cán bộ
146. 156.	1.001396	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ)	Dược phẩm
147.	1.004918 1.001386	Xác định sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)	Thủy sản Phòng bệnh
148.	2.000655	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	Phòng bệnh
157. 149.	1.004915 1.001189	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	Thủy sản Phòng bệnh
158. 150.	1.004913	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	Thủy sản
159.	1.001178 1.004839	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	Phòng bệnh Thú y
160. 160.	1.004839	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp	Khám bệnh, chữa bệnh
152.	2.000559	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Khám bệnh, chữa bệnh

153. 161.	2.000552 1.004794	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với tam sản phẩm sơ cấp nuôi trồng thủy sản để đi triển cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	Khám bệnh, chữa bệnh thủy sản
		Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo	
164.	1.004756 1.004756	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (gồm: Sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, khắc cốt thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo)	Phòng bệnh
163. 155.	1.004734 2.000477	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)	Thú y Bảo trợ xã hội
164. 156.	1.004097 1.004097	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Mỹ phẩm
165. 157.	1.004694 1.000793	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BTTTT	Thủy sản Mỹ phẩm
166.		Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi, chủ	Thủy sản
158.	1.004692 2.000286	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội
167.		Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trồng phạm vi 06 hải lý)	Thủy sản
159.	1.004684 2.000282	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội
168.		Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nước trồng thủy sản	Thủy sản
160.	1.004683 1.000662	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	Mỹ phẩm
169. 161.	1.00468 2.000216	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	Thủy sản Bảo trợ xã hội
162. 170.	2.000144 1.004678	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bảo trợ xã hội Thủy sản
163.		Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Bảo trợ xã hội
171. 164.	1.004669 2.000062	Tên thủ tục: Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển đối với nhà đầu tư nước ngoài, trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Y tế	Thủy sản Bảo trợ xã hội
165.	2.000056	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Bảo trợ xã hội

166. 172.	2.000051 1.004656	Cấp lại điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với công tác cứu hộ và cứu nạn; cấp phép hoạt động đối với thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc để nghỉ chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Bảo trợ xã hội Thủy sản
167.	1.000091	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội
168.	1.004654 2.000036	Cấp lại Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội
169.	2.000030	Thẩm định, phê duyệt phương án, cấm mốc sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện	Phòng, chống tệ nạn xã hội Tài nguyên nước
170. 175.	2.000027 1.004546	Cấp lại Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân Cấp Phê hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	Phòng, chống tệ nạn xã hội Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
171. 176.	2.000025 2.001838	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân Cấp đối Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu	Phòng, chống tệ nạn xã hội Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản
III. SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		Viện Đào tạo	sản và thủy sản
177.	Mã TTHC 1.004524	Cấp lại Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
1.	3.000465	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (cấp tỉnh)	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản
178. 2.	3.000466	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản
179. 3.	1.004404	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp cơ sở đào tạo nghề nghiệp cho người lao động; cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực vật bảo vệ thực vật nước ngoài;	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
180. 4.	1.004481 1.013756	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp cơ sở đào tạo nghề nghiệp cho người lao động; cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực vật bảo vệ thực vật nước ngoài;	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
181. 5.	2.001814	Chuyên ngành lập vùng thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh) dục hòa nhập tư thực	Địa chất và khoáng sản
182.	1.013765 1.004446	Cấp, phê duyệt thành lập giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực ngoài lãnh thổ không được công nhận (cấp tỉnh)	Giáo dục nghề nghiệp Địa chất và khoáng sản
183.	1.013763 1.004434	Đầu tư, quản lý khai thác khoáng sản ở khu vực ngoài lãnh thổ không được công nhận (cấp tỉnh)	Giáo dục nghề nghiệp Địa chất và khoáng sản
184.	1.013762 1.004433	Cho phép chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Giáo dục nghề nghiệp Địa chất và khoáng sản
185.	1.013761 2.001804	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Giáo dục nghề nghiệp Thủy lợi
10.	1.01376	Chuyên ngành lập vùng thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh) nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Giáo dục nghề nghiệp

11. 186.	1.013758 1.004427	Cấp giấy phép thành lập các hoạt động trong giáo dục hòa nhập tư thục (theo đề nghị của UBND cấp tỉnh) và cấp giấy chứng nhận thành lập đơn, bãi tập kết nguyên liệu, sản phẩm, chất thải trong các cơ sở xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Giáo dục thường xuyên Thủy lợi
12.	1.013757	Cho phép thành lập trung tâm giáo dục	Giáo dục thường xuyên
13. 187.	1.013751	Cho phép xây dựng trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên với hoạt động dạy nghề, nghề nghiệp, cứu trợ xã hội, kinh doanh dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Giáo dục thường xuyên
14.	2.001796 1.013759	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật, phân hiệu của trường trung cấp tư thục	Thủy lợi Giáo dục nghề nghiệp
188.		Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi
15.	2.001795 1.013754	Cấp giấy phép hoạt động của các cơ sở dạy nghề, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	Thủy lợi thường xuyên
169.	1.013753 2.001793	Sắp xếp, phân bổ các hoạt động của các cơ sở dạy nghề, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	Giáo dục thường xuyên Thủy lợi
17.	1.013752	Sơ trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục	Giáo dục thường xuyên
190.		Cấp giấy phép tư vấn các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi
18.	1.004385 1.013767	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán địa sản ngoài giáo nước ngoài, tổ chức quốc tế	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài
191.		Cấp giấy phép thành lập thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Thủy lợi và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
19.	2.001791 2.002756	Thông báo đủ điều kiện tổ chức hội đồng dân tộc thiểu số	Địa chất và Khoáng sản
192.		Đề xuất trả lương khoáng sản (cấp tỉnh)	Thủy sản
20.	2.001787 1.013338	Xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông	Thủy sản
193.		Đề xuất trả lương khoáng sản (cấp tỉnh)	Thủy sản
21.	1.004367 1.012988	Đề xuất trả lương khoáng sản (cấp tỉnh)	Thủy sản
194.	1.004363	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thủy sản	Thủy sản
195.	1.01296 1.004359	Đề xuất trả lương khoáng sản (cấp tỉnh)	Thủy sản
196.	1.012959 2.001783	Đề xuất trả lương khoáng sản (cấp tỉnh)	Thủy sản
197.	1.012958 2.001781	Đề xuất trả lương khoáng sản (cấp tỉnh)	Thủy sản
198.	1.004346	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuộc bảo vệ thực vật	Thủy sản

199.	1.004345	Giải thể trường trung học phổ thông, trường sản	Địa chất và
25.	1.012956	phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao	Khảo sát
200.	1.004344	nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	học
		thuê, mua tàu cá trên biển	Thủy sản
201.	1.004345	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông khác tần suất khoáng sản (cấp tỉnh)	Địa chất và
26.	1.012955	Giấy phép khai thác tần suất khoáng sản (cấp tỉnh)	Khảo sát
202.	2.001777	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt	Địa chất và
27.	1.012954	điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Khảo sát
203.	1.004283	đồng giáo dục trở lại	học
		đồng giáo dục trở lại	Tài nguyên nước
204.	2.001773	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt	Giáo dục trung
28.	1.012953	đồng giáo dục	học
		Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với các thành lập khác	
205.	2.001967	trường trung học phổ thông hoạt động và bảo đảm cấp học các cấp học cao nhất là trung học phổ thông (quyền phê duyệt) (TTHC cấp tỉnh)	Giáo dục trung
29.	1.012967	đồng giáo dục	Môi trường
30.	3.000317	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	Giáo dục thường
206.	1.004253	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	xuyên
31.	3.000316	Cấp giấy phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại	Tài nguyên nước
207.	1.004237	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (cấp tỉnh)	Giáo dục thường
32.	3.000315	khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	xuyên
208.	1.004232	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	Tài nguyên nước
209.	3.000306	phổ biến điều chỉnh tài nguyên nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	Các cơ sở giáo
33.	1.004223	đồng giáo dục thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông	Tài nguyên nước
210.	1.004223	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	Các cơ sở giáo
34.	3.000305	đồng giáo dục thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông	duc khác
211.	1.004211	(Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Tài nguyên nước
35.	3.000304	Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật	Các cơ sở giáo
		khuyết tật	duc khác
36.	3.000302	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển cho phép trường dành cho người khuyết tật (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024)	Các cơ sở giáo
212.	1.004179	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển cho phép trường dành cho người khuyết tật (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024)	duc khác
37.	3.0003	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển cho phép trường dành cho người khuyết tật (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024)	Tài nguyên nước
		Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển cho phép trường dành cho người khuyết tật (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024)	Các cơ sở giáo
		Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển cho phép trường dành cho người khuyết tật (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024)	duc khác
		Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển cho phép trường dành cho người khuyết tật (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024)	

213. 38.	3.0002109 3.0002109	Sáp nhập địa chất thủy văn và khai thác khoáng sản, thể thao	Các cơ sở giáo dục khác
394. 394.	3.000298 3.000298	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể thao hoạt động giáo dục trở lại	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
40. 215.	3.000297 3.000297	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể thao hoạt động giáo dục	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
41.	1.00415 3.000303	Cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục trở lại	Các cơ sở giáo dục khác
216. 42.	3.000305 3.000305	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (cấp tỉnh)	Đặc sản địa phương
43.	2.002593	Đề nghị đánh giá, công nhận Đơn vị học tập Dân tộc khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình (đồ) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
217. 44.	1.004132 1.010928	Chấm dứt hoạt động liên kết đầu tư với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục cho xây dựng công trình (đồ) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	Địa chất và Khoáng sản
218. 45.	1.004132 1.010927	Công nhận và cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề dưới đất	Giáo dục nghề nghiệp
219.	1.004117 2.002479	Cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại, Nam về nước	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
220. 47.	1.004106 1.004106	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông Gia nân Giấy phép tiếp cận nguồn gen người nước ngoài	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
221. 48.	2.002478 2.002478	Chuyển trường đối với học sinh trung học Gia nân, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Giáo dục trung học
222. 49.	1.010596 1.004083	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị của trường trung cấp tư thực	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)
50.	1.010593 2.00173	Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)
51.	1.010595 1.004056	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản
52.	1.010594 2.001726	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)
53.	3.000181	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản
54.	1.009394	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị của trường trung cấp tư thực	Thi, tuyển sinh

226.	1.004022	Cấp giấy hải trình cho tàu thuyền đi biển sinh hoạt đối với sinh viên học các ngành	Thủy y Giáo dục và Đào
55. 227.	1.009002 1.003984	đào tạo giáo viên tại các đại học, học viện, Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các loài vật thể chuyên từ vùng nhiễm đào tạo giáo viên, đối tượng kiểm dịch thực vật	tạo thuộc hệ thống Trang trại quốc gia vệ thực vật
228.	1.003971	Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực thực, trường phổ thông tư thực có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
56. 229.	1.008723 2.001694	Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trung ương và hội chợ triển lãm	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài Thủy sản
230. 57.	1.003921 1.008721	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong Chuyên đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thực đo cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, trường học bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc tổ chức quốc tế liên chính phủ để nghỉ sang thăm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh không vì lợi nhuận	Giáo dục , đào tạo với nước ngoài
231. 58.	1.008723 1.003923	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong Chuyên đổi cơ sở giáo dục mầm non tư thực đo cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, trường học bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc tổ chức quốc tế liên chính phủ để nghỉ sang thăm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh không vì lợi nhuận	Giáo dục, đào tạo Thủy lợi với nước ngoài
59. 232.	1.008722 1.00388	Cấp giấy hạn chế, điều chỉnh hoạt động giáo dục đầu tư và sản xuất, trường mầm non, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi thuận nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài Thủy lợi
60. 233.	1.006446 1.00387	Cấp giấy hạn chế, điều chỉnh hoạt động giáo dục đầu tư và sản xuất, trường mầm non, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi thuận nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài Thủy lợi
61. 234.	1.005144 1.003867	Cấp giấy hạn chế, điều chỉnh hoạt động giáo dục đầu tư và sản xuất, trường mầm non, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi thuận nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân Thủy lợi
62. 235.	1.005143 1.003851	Cấp giấy hạn chế, điều chỉnh hoạt động giáo dục đầu tư và sản xuất, trường mầm non, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi thuận nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân Thủy lợi
63.	1.005142	Cấp giấy hạn chế, điều chỉnh hoạt động giáo dục đầu tư và sản xuất, trường mầm non, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi thuận nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch	Thi, tuyển sinh
64. 236.	1.005098 1.005141	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tầu cá	Thi, tuyển sinh Thủy sản
65.	1.005095	Phục khảo bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Thi, tuyển sinh

237. 66.	1.00509 1.003727	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc Hội nhập làng nghề truyền thống	Kinh tế hợp tác và Thị, tuyển sinh Phát triển nông thôn
238. 67.	2.001987 1.003726	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học tại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá	Các cơ sở giáo dục khác Thủy sản
68. 239.	1.005061	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	Các cơ sở giáo dục khác
69.	1.003712 1.005008	Công nhận nghề truyền thống Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn
240. 70.	1.003703 1.004999	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên	Các cơ sở giáo dục khác
241. 71.	1.004995 1.003695	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên Công nhận làng nghề	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn
242. 72.	1.004988 1.003681	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại Xóa đăng ký tàu cá	Các cơ sở giáo dục khác Thủy sản
243. 73.	1.003666 2.001959	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đào tạo nghề đối với lao động (chấp tại cầu) cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đăng ký tàu cá	Giáo dục nghề nghiệp (G07- LĐ06) Thủy sản
244. 74.	1.00365	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương cấp để sử dụng tại Việt Nam	Thủy sản, Văn bản, chứng chỉ Nông nghiệp
247. 76.	2.001806 1.003586 1.003734	Xét tuyển học sinh vào trường dự bị đại học Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	Thị, tuyển sinh Thủy sản Thị, tuyển sinh
248. 77.	1.003524 1.002982	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn
249. 78.	1.003486 1.002407	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu Xét cấp học bằng chính sách	Giáo dục quốc dân Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn
250. 79.	1.003397 1.001942	Đồng kết luận việc kết (cấp đổi) học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non	Giáo dục quốc dân Thị, tuyển sinh thôn
251. 80.	1.003395 1.001774	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu, khuyết tật học tập riêng cho khuyết tật học tập tại các cơ sở giáo dục	Giáo dục và Đào tạo và Bảo vệ thực vật giáo dục quốc dân
252. 81.	1.003388 2.000729	Công nhận, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ đăng lực ngoại ngữ của nước ngoài	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài
82.	2.00068	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Quyết định cho phép thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài

83. 253.	1.001501 2.001426	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện phép giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức xây dựng công trình nước ngoài, bất chấp không đại diện, nhiên liệu, vật	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài Thủy lợi
84.	1.001499	liêu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài
85. 254.	1.001497 1.003371	Phê duyệt liên kết giáo dục cấp ngân thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài Nông nghiệp
86.	1.001496	được nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết.	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài
87. 255.	1.001495 2.001401	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở đào tạo; Tổng duyệt mã nhân, hồ sơ đồng giá giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài Thủy lợi
88.	1.001493	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài
256.		tại Việt Nam	
89.	1.003232 1.001492	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố đồng kỳ hoạt động và/hoặc hành nghề của các nhà giáo dục nước ngoài tại UBND tỉnh	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài
257. 90.	2.000622 2.000622	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)
258. 91.	2.000545 2.000211	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai tại cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài Thủy lợi
92. 259.	1.001088	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh	Giáo dục trung học
93.	1.003203 1.001	Phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc mã hoạt động của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi Các cơ sở giáo dục khác
260.	2.000451 1.003188	Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài Thủy lợi
95. 261.	1.000939 1.003111	Cấp phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài Quản lý chất lượng nông lâm
96. 262.	1.000729 1.003082	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025: 2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025: 2005	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản

263.	1.003058	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép thực hiện hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non;	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản
97.	1.000718	Cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục đào tạo
264.	2.001254	Kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản
265.	1.000716	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản
99.	1.000715	Cấp Giấy chứng nhận trường mầm non đạt điều kiện chất lượng giáo dục cho lô nguyên liệu	Kiểm định chất lượng gỗ và lâm sản và thủy sản
100.	2.001241	Giải thể hai mảnh vỡ	Kiểm định chất lượng gỗ và lâm sản và thủy sản
267.	1.000713	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục để điều kiện thực hiện	Trường giáo dục và Bảo
101.	2.001236	khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật	Kiểm định chất lượng giáo dục
268.	1.000711	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục để điều kiện sản xuất	Thư y
102.	1.002549	thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y đang được phẩm vắc xin)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
	1.000691	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc	
103.	1.000553	Giải thể trường trung cấp trung học giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, sản xuất hoạt động phân phối của trường liên quan đến vốn đầu tư nước ngoài, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-Thu y)
269.	2.001064	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc	
104.	1.00053	đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-Thu y)
		Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng, thay đổi thông tin cơ liên quan đến tổ chức đăng ký (trừ sản xuất thuốc thú y đang được phẩm vắc xin)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-Thu y)
105.	1.000509	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	Giáo dục nghề nghiệp (G07-Thu y)
270.	1.002432	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng, thay đổi thông tin cơ liên quan đến tổ chức đăng ký (trừ sản xuất thuốc thú y đang được phẩm vắc xin)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-Thu y)
271.	1.002402	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	Giáo dục nghề nghiệp (G07-Thu y)
272.	1.002338	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	Giáo dục nghề nghiệp (G07-Thu y)
107.	2.000189	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	Giáo dục nghề nghiệp (G07-Thu y)
273.	2.000873	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	Giáo dục nghề nghiệp (G07-Thu y)
274.	1.001686	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Thú y
108.	1.000389	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Giáo dục nghề nghiệp (G07-Thu y)
275.	1.000987	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Giáo dục nghề nghiệp (G07-Thu y)
		Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Giáo dục nghề nghiệp (G07-Thu y)

276.	2.000472	Thành lập Giấy phép đại diện của tổ chức cấp cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)
277.		Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	Khí tượng, thủy văn
110.	1.00097 1.000288	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
278.		Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo
111.	1.000969 1.00028	Cấp giấy chứng nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
279.		Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	Khí tượng, thủy văn
112.	1.000943 1.000259	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	Kiểm định chất lượng giáo dục
280.		Trả lại giấy phép nhận chìm (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo
113.	1.000942	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường cao đẳng	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)
281.	1.000252 2.000444	Cấp lại giấy phép nhận chìm (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo
114.		Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)
282.	1.000249 1.000824	Cấp lại giấy phép khai thác tài nguyên nước	Tại nguyên nước
283.	1.000788	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giao dục ngoại ngữ chính khóa	Đặc chất và giáo dục
284.		Khai thác và sử dụng rừng đặc dụng	Đặc chất và giáo dục
116.	1.000705 1.000167	Khai thác và sử dụng rừng đặc dụng	Đặc chất và giáo dục
285.		Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án đầu tư sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng	Lâm nghiệp
117.		Sửa đổi, bổ sung gia hạn và cấp lại giấy	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)
286.	1.000159 1.000081	Phê duyệt hợp tác phân phối đại diện của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong lĩnh vực nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)
118.		Phê duyệt thành lập phân hiệu của trường	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)
287.	1.000154	Phê duyệt cấp cơ sở vật chất, tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	Lâm nghiệp
119.		Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)
288.	1.000138 1.000058	Miền, giám sát dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng nước ngoài trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)
289.	1.000055	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	Lâm nghiệp
290.	1.000049	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý
291.	1.000047	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	Kiểm lâm

292.	1.000045	Xác nhận bảng kê lâm sản.	Kiểm lâm
293.	1.000025	Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp	Quản lý doanh nghiệp
VI. SỞ NỘI VỤ			
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực
1.	1.013937	Công nhận tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt.	Văn thư và Lưu trữ nhà nước
2.	1.013934	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trữ	Văn thư và Lưu trữ nhà nước
3.	1.013932	Sử dụng tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử của nhà nước.	Văn thư và Lưu trữ nhà nước
4.	1.013748	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương binh không công tác trong quân đội, công an, người hưởng chính sách như thương binh có vết thương đặc biệt tái phát và điều chỉnh chế độ.	Người có công
5.	1.013747	Lấy mẫu để giám định ADN xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin.	Người có công
6.	1.013746	Xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin bằng phương pháp thực chứng.	Người có công
7.	1.013733	Chuẩn bị nguồn lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng .	Quản lý lao động ngoài nước
8.	1.013731	Đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài .	Quản lý lao động ngoài nước
9.	1.01373	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng từ 90 ngày trở lên)	Quản lý lao động ngoài nước
10.	1.013729	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài .	Quản lý lao động ngoài nước
11.	1.013728	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài.	Quản lý lao động ngoài nước

12.	1.013743	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền Nam hoạt động sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ, sỹ quan thuộc lực lượng vũ trang (công an, quân đội)	Người có công
13.	1.013723	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	An toàn, vệ sinh lao động
14.	1.013722	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Việc làm
15.	1.013721	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Việc làm
16.	1.013749	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	Người có công
17.	1.013745	Xác nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân	Người có công
18.	1.013744	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng thuộc diện Trung ương quản lý	Người có công
19.	1.013732	Xác nhận danh sách người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài	Quản lý lao động ngoài nước
20.	1.013727	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập từ 90 ngày trở lên .	Quản lý lao động ngoài nước
21.	1.01372	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Việc làm

22.	1.013719	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Việc làm
23.	1.013718	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Việc làm
24.	1.013337	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành	An toàn, vệ sinh lao động
25.	1.013023	Quỹ tự giải thể .	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
26.	1.01302	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ..	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
27.	1.013019	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ..	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
28.	1.013018	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ.	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
29.	1.013022	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ .	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
30.	1.013021	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động .	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
31.	1.013017	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ..	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
32.	1.012947	Thủ tục cho phép hội đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện (cấp tỉnh).	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
33.	1.012946	Thủ tục hội tự giải thể (cấp tỉnh).	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
34.	1.012945	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội (cấp tỉnh).	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
35.	1.012943	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội (cấp tỉnh)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
36.	1.012942	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội (cấp tỉnh)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ

37.	1.012948	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn (cấp tỉnh)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
38.	1.012933	Thủ tục thi tuyển công chức.	Công chức, viên chức
39.	1.012935	Thủ tục tiếp nhận vào công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	Công chức, viên chức
40.	1.012934	Thủ tục xét tuyển công chức.	Công chức, viên chức
41.	1.012929	Thủ tục thành lập hội (cấp tỉnh).	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
42.	1.012927	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội (cấp tỉnh).	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
43.	1.0123	Thủ tục xét tuyển Viên chức (85/2023/NĐ-CP)	Công chức, viên chức
44.	1.012301	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	Công chức, viên chức
45.	1.012299	Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	Công chức, viên chức
46.	1.012091	Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc	Lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội
47.	1.011547	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh	Việc làm
48.	1.011546	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động	Việc làm
49.	1.010831	Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh.	Người có công
50.	1.01083	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công
51.	1.010828	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	Người có công
52.	1.010829	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công
53.	1.010825	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	Người có công

54.	1.010827	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	Người có công
55.	1.010826	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	Người có công
56.	1.010824	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi tử trần	Người có công
57.	1.010822	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	Người có công
58.	1.010821	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Người có công
59.	1.010817	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Người có công
60.	1.010816	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Người có công
61.	1.010815	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	Người có công
62.	1.010814	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	Người có công
63.	1.010813	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	Người có công
64.	1.010812	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	Người có công
65.	1.010809	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	Người có công
66.	1.010803	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	Người có công
67.	1.010801	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	Người có công
68.	1.010823	Hưởng lại chế độ ưu đãi	Người có công
69.	1.01082	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	Người có công

70.	1.010819	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Người có công
71.	1.010818	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	Người có công
72.	1.010811	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	Người có công
73.	1.01081	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	Người có công
74.	1.010808	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	Người có công
75.	1.010807	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an	Người có công
76.	1.010806	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	Người có công
77.	1.010805	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	Người có công
78.	1.010804	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	Người có công
79.	1.010802	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	Người có công
80.	1.010796	Lấy mẫu để giám định ADN xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin	Người có công
81.	1.010795	Xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin bằng phương pháp thực chứng	Người có công
82.	1.01079	Khám giám định phúc quyết của đối tượng hoặc người đại diện hợp pháp của đối tượng	Người có công
83.	1.010793	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công	Người có công

84.	1.010792	Khám giám định phúc quyết lần cuối của đối tượng hoặc người đại diện hợp pháp của đối tượng	Người có công
85.	1.010785	Đưa người có công đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ) quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	Người có công
86.	1.010781	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	Người có công
87.	1.01078	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương binh không công tác trong quân đội, công an, người hưởng chính sách như thương binh có vết thương đặc biệt tái phát và điều chỉnh chế độ	Người có công
88.	1.010778	Cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”	Người có công
89.	1.010775	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 Pháp lệnh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006	Người có công
90.	1.010774	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước	Người có công
91.	1.010772	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”	Người có công
92.	1.010788	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	Người có công
93.	1.010783	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý	Người có công
94.	1.010777	Cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”	Người có công
95.	1.010196	Thủ tục cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề lưu trữ (Cấp tỉnh)	Văn thư và Lưu trữ nhà nước
96.	1.010195	Thủ tục cấp bản sao và chứng thực tài liệu lưu trữ (Cấp tỉnh)	Văn thư và Lưu trữ nhà nước
97.	1.010194	Thủ tục phục vụ việc sử dụng tài liệu của độc giả tại phòng đọc (Cấp tỉnh)	Văn thư và Lưu trữ nhà nước
98.	1.009874	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm

99.	1.009873	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm
100.	1.009811	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (cấp Tỉnh).	Việc làm
101.	1.009467	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể.	Lao động
102.	1.009466	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể	Lao động
103.	2.002342	Giải quyết chế độ cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp, gồm: Chi phí giám định thương tật, bệnh tật; trợ cấp một lần hoặc hằng tháng; trợ cấp phục vụ; hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; trợ cấp khi người lao động chết do bệnh nghề nghiệp; đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm bệnh nghề nghiệp hằng tháng	An toàn, vệ sinh lao động
104.	2.00234	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Chi phí giám định thương tật, bệnh tật; trợ cấp hằng tháng hoặc một lần; trợ cấp phục vụ; hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; trợ cấp khi người lao động chết do tai nạn lao động; đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng.	An toàn, vệ sinh lao động
105.	2.002343	Hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp	An toàn, vệ sinh lao động

106.	2.002341	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động.	An toàn, vệ sinh lao động
107.	2.002308	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	Người có công
108.	2.002307	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	Người có công
109.	1.005451	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (các tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập), hạng C; Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (các tổ chức tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập), hạng C	An toàn, vệ sinh lao động
110.	1.00545	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	An toàn, vệ sinh lao động

111.	1.005449	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	An toàn, vệ sinh lao động
112.	1.005448	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập), hạng C; Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (các tổ chức tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập), hạng C	An toàn, vệ sinh lao động
113.	1.005219	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người bị thu hồi đất nông nghiệp đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Quản lý lao động ngoài nước
114.	2.002105	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Quản lý lao động ngoài nước
115.	1.005132	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	Quản lý lao động ngoài nước
116.	2.002028	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	Quản lý lao động ngoài nước
117.	2.001955	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	Lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội
118.	1.004964	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	Người có công

119.	2.001953	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm
120.	2.001717	Thủ tục thành lập tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh	Công tác thanh niên
121.	1.003999	Thủ tục giải thể tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh	Công tác thanh niên
122.	2.001683	Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	Công tác thanh niên
123.	2.001396	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Người có công
124.	2.001157	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Người có công
125.	2.000888	Tham gia bảo hiểm thất nghiệp	Việc làm
126.	1.001978	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm
127.	1.001973	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm
128.	1.001966	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm
129.	2.000839	Giải quyết hỗ trợ học nghề	Việc làm
130.	1.001881	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	Việc làm
131.	1.001865	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm
132.	1.001853	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm
133.	1.001823	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm

134.	1.001257	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Người có công
135.	1.000502	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày)	Quản lý lao động ngoài nước
136.	2.000219	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài	Việc làm
137.	1.000479	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Lao động
138.	1.000464	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Lao động
139.	1.000459	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	Việc làm
140.	1.000448	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Lao động
141.	2.000205	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm
142.	1.000436	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Lao động
143.	2.000192	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm
144.	1.000414	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	Lao động
145.	2.000178	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi)	Việc làm
146.	1.000401	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến)	Việc làm
147.	2.000148	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm	Việc làm
148.	1.000362	Thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng	Việc làm

149.	2.000134	Khai báo với Sở Nội vụ địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	An toàn, vệ sinh lao động
150.	2.000111	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động	An toàn, vệ sinh lao động
151.	1.000105	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	Việc làm
152.	1.012672	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (Cấp Tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)
153.	1.012664	thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)
154.	1.01266	thủ tục đề nghị cho người nước ngoài học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở việt nam (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)
155.	1.012658	thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại việt nam (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)
156.	1.012657	thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại việt nam (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)
157.	1.012656	thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại việt nam trong địa bàn một tỉnh (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)
158.	1.012661	thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)
159.	1.012659	thủ tục đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc chưa được xoá án tích (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)
160.	1.012653	thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại việt nam đến địa bàn tỉnh khác (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)
161.	1.012655	thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)

162.	1.012646	thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)
163.	1.012645	thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)
164.	1.012648	thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào việt nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)
165.	1.012639	thủ tục đề nghị tự giải thể của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)
166.	1.012637	thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)
167.	1.012632	thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)
168.	1.012642	thủ tục thông báo về việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh (thuộc thẩm quyền tiếp nhận của 02 cơ quan) (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)
169.	1.012641	thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)
170.	1.012629	thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 điều 34 của luật tín ngưỡng, tôn giáo (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)
171.	1.012628	thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)
172.	1.012625	thủ tục thông báo về người bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)
173.	1.012616	thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)

174.	1.012607	thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều xã thuộc một tỉnh (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)
175.	1.012606	thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)
176.	1.012605	thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)

VII. SỞ XÂY DỰNG

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực
1.	1.013769	Chuyển đổi công năng nhà ở không thuộc tài sản công	Nhà ở và công sở
2.	1.013777	Cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản	Kinh doanh bất động sản
3.	1.013468	Chấm dứt hoạt động tàu lặn	Hàng hải và đường thủy
4.	1.013466	Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn	Hàng hải và đường thủy
5.	1.013467	Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động	Hàng hải và đường thủy
6.	1.013274	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	Đường bộ
7.	1.013277	Chấp thuận đầu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch	Đường bộ
8.	1.013276	Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đầu nối vào đường cao tốc	Đường bộ
9.	1.013261	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	Đường bộ
10.	1.01326	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	Đường bộ
11.	1.013259	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	Đường bộ
12.	1.013237	Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	Hoạt động xây dựng

13.	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Hoạt động xây dựng
14.	1.013238	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng
15.	1.013234	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh;	Hoạt động xây dựng
16.	1.013236	Cấp giấy phép xây dựng mới công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng
17.	1.013235	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án)	Hoạt động xây dựng
18.	1.013233	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng
19.	1.013231	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng

20.	1.01323	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng
21.	1.013224	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài..	Hoạt động xây dựng
22.	1.013222	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài..	Hoạt động xây dựng
23.	1.013221	cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	Hoạt động xây dựng
24.	1.013219	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	Hoạt động xây dựng
25.	1.013218	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	Hoạt động xây dựng
26.	1.013223	Công nhận tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III/chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III cho hội viên của mình	Hoạt động xây dựng
27.	1.01322	Cấp mới chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	Hoạt động xây dựng
28.	1.013217	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	Hoạt động xây dựng
29.	1.013216	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Hoạt động xây dựng
30.	1.01311	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	Đăng kiểm
31.	1.013105	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	Đăng kiểm
32.	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	Đường bộ
33.	1.01291	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ cũ đã hết hạn hoặc gần hết hạn)	Kinh doanh bất động sản
34.	1.012907	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ bị cháy, bị mất, bị rách, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác)	Kinh doanh bất động sản

35.	1.012906	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.	Kinh doanh bất động sản
36.	1.012905	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	Kinh doanh bất động sản
37.	1.012904	Đăng ký cấp quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Kinh doanh bất động sản
38.	1.012903	Thông báo quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản đủ điều kiện chuyển nhượng cho cá nhân tự xây dựng nhà ở	Kinh doanh bất động sản
39.	1.012902	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp thay đổi thông tin của sàn)	Kinh doanh bất động sản
40.	1.012901	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy, bị tiêu hủy, bị hỏng)	Kinh doanh bất động sản
41.	1.0129	Cấp giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản	Kinh doanh bất động sản
42.	1.012898	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp ký lại hợp đồng thuê	Nhà ở và công sở
43.	1.012897	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở	Nhà ở và công sở
44.	1.012895	Thẩm định giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân	Nhà ở và công sở
45.	1.012894	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc tài sản công	Nhà ở và công sở
46.	1.012892	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp chưa có hợp đồng thuê nhà ở	Nhà ở và công sở
47.	1.012891	Cho thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương	Nhà ở và công sở
48.	1.012887	Đề xuất cơ chế ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 198 của Luật Nhà ở 2023	Nhà ở và công sở
49.	1.012896	Cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do Nhà nước đầu tư xây dựng bằng vốn đầu tư công	Nhà ở và công sở
50.	1.012893	Bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	Nhà ở và công sở
51.	1.01289	Gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài	Nhà ở và công sở

52.	1.012886	Điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	Nhà ở và công sở
53.	1.012885	Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	Nhà ở và công sở
54.	1.012884	Thông báo đơn vị đủ điều kiện quản lý vận hành nhà chung cư đối với trường hợp nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng	Nhà ở và công sở
55.	1.012883	Chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	Nhà ở và công sở
56.	1.012882	Thông báo đủ điều kiện được huy động vốn thông qua việc góp vốn, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh, liên doanh, liên kết của các tổ chức và cá nhân để phát triển nhà ở	Nhà ở và công sở
57.	1.012875	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trong trường hợp còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng, rách hoặc có sự sai khác về thông tin	Đăng kiểm
58.	2.002625	Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ	Hàng hải và đường thủy
59.	2.002624	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương	Hàng hải và đường thủy
60.	2.002617	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng	Hàng hải và đường thủy
61.	2.002616	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	Hàng hải và đường thủy
62.	2.002615	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy
63.	1.011705	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp: Cấp lần đầu hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động)	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

64.	1.011711	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc thay đổi, bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn thí nghiệm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
65.	1.01171	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp)	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
66.	1.011708	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
67.	1.011675	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	Giám định tư pháp
68.	1.010707	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	Đường bộ
69.	1.010704	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN	Đường bộ
70.	1.010702	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN	Đường bộ
71.	1.01	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	Đường sắt
72.	1.009794	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	Quản lý chất lượng công trình xây dựng
73.	1.009791	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	Quản lý chất lượng công trình xây dựng

74.	1.009788	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh.	Quản lý chất lượng công trình xây dựng
75.	1.009479	Cấp giấy phép lái tàu cho các lái tàu đầu tiên trên các tuyến đường sắt đô thị mới đưa vào khai thác, vận hành có công nghệ lần đầu sử dụng tại Việt Nam	Đường sắt
76.	1.009463	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy
77.	1.00946	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	Hàng hải và đường thủy
78.	1.009456	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy
79.	1.009465	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	Hàng hải và đường thủy
80.	1.009464	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy
81.	1.009462	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy
82.	1.009461	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng	Hàng hải và đường thủy
83.	1.009459	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương	Hàng hải và đường thủy
84.	1.009458	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	Hàng hải và đường thủy
85.	1.009451	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy
86.	1.00945	Công bố đóng khu neo đậu	Hàng hải và đường thủy
87.	1.009449	Công bố hoạt động khu neo đậu	Hàng hải và đường thủy
88.	1.009448	Thiết lập khu neo đậu	Hàng hải và đường thủy
89.	1.009447	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy
90.	1.009446	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy

91.	1.009444	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy
92.	1.009445	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy
93.	1.009443	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	Hàng hải và đường thủy
94.	1.009442	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy
95.	1.009441	Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia xuất cảnh rời cảng thủy nội địa Việt Nam	Hàng hải và đường thủy
96.	1.00944	Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia nhập cảnh vào cảng thủy nội địa Việt Nam	Hàng hải và đường thủy
97.	1.008993	Thủ tục chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc
98.	1.008992	Thủ tục công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc
99.	1.008991	Thủ tục gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc
100.	1.00899	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc
101.	1.008989	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc).	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc
102.	1.008891	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc
103.	1.008432	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc
104.	2.002287	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	Đường bộ
105.	2.002286	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi	Đường bộ
106.	2.002288	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải	Đường bộ

107.	2.002285	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định	Đường bộ
108.	1.007949	Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động	Hàng hải và đường thủy
109.	1.007765	Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước	Nhà ở và công sở
110.	1.006871	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	Vật liệu xây dựng
111.	1.006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	Hàng hải và đường thủy
112.	1.00521	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo	Đường bộ
113.	1.005134	Cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	Đường sắt
114.	1.005126	Cấp Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	Đường sắt
115.	1.005123	Gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	Đường sắt
116.	2.002001	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy
117.	2.001998	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy
118.	1.005091	Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa	Đăng kiểm
119.	1.005085	Cấp giấy phép lái tàu trên đường sắt đô thị cho người nước ngoài đã có giấy phép lái tàu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền nước ngoài cấp	Đường sắt
120.	1.005075	Xóa, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	Đường sắt
121.	1.005071	Cấp giấy phép lái tàu cho lái tàu trên các tuyến đường sắt đang khai thác	Đường sắt
122.	1.005058	Gia hạn Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	Đường sắt

123.	1.00504	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	Hàng hải và đường thủy
124.	1.005024	Phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô	Đường bộ
125.	1.005021	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô	Đường bộ
126.	1.004993	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	Đường bộ
127.	2.001921	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	Đường bộ
128.	1.004883	Chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang (đối với đường sắt có tốc độ thiết kế nhỏ hơn 100 km/giờ giao nhau với đường bộ; đường sắt giao nhau với đường bộ từ cấp IV trở xuống)	Đường sắt
129.	1.004844	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	Đường sắt
130.	1.004691	Chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt	Đường sắt
131.	1.004685	Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt	Đường sắt
132.	1.004681	Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt	Đường sắt
133.	2.001802	Chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển	Hàng hải và đường thủy
134.	1.004337	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho thiết bị xếp dỡ, nồi hơi và thiết bị áp lực đang khai thác sử dụng trong giao thông vận tải	Đăng kiểm
135.	1.004332	Tàu biển rời cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Hàng hải và đường thủy

136.	1.004312	Tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài vào cảng và tàu biển nước ngoài đã nhập cảnh sau đó vào cảng biển khác của Việt Nam	Hàng hải và đường thủy
137.	1.004304	Tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Hàng hải và đường thủy
138.	1.004291	Công bố thông báo hàng hải về thiết lập mới báo hiệu hàng hải	Hàng hải và đường thủy
139.	1.004276	Phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải	Hàng hải và đường thủy
140.	1.004261	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới	Hàng hải và đường thủy
141.	1.004259	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới	Hàng hải và đường thủy
142.	1.004242	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy
143.	1.004239	Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	Hàng hải và đường thủy
144.	1.004123	Chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải	Hàng hải và đường thủy
145.	1.00411	Công bố thông báo hàng hải về việc thay đổi đặc tính, tạm ngừng, phục hồi, chấm dứt hoạt động của báo hiệu hàng hải	Hàng hải và đường thủy
146.	1.004106	Công bố thông báo hàng hải định kỳ về các thông số kỹ thuật của luồng hàng hải, vùng nước trước cầu cảng và các khu nước, vùng nước đối với luồng hàng hải chuyên dùng, vùng nước trước cầu cảng và khu chuyển tải chuyên dùng được công bố định kỳ	Hàng hải và đường thủy
147.	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy
148.	1.004067	Công bố thông báo hàng hải về khu vực biển hạn chế hoặc cấm hoạt động hàng hải	Hàng hải và đường thủy

149.	1.004066	Công bố thông báo hàng hải về công trình ngầm, công trình vượt qua luồng hàng hải	Hàng hải và đường thủy
150.	1.004058	Công bố thông báo hàng hải về khu vực thi công công trình trên biển hoặc trên luồng hàng hải	Hàng hải và đường thủy
151.	1.004053	Chấp thuận tiến hành các hoạt động trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy
152.	1.004047	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy
153.	1.004036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy
154.	1.004028	Tàu biển nhập cảnh	Hàng hải và đường thủy
155.	2.001711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	Hàng hải và đường thủy
156.	1.004004	Tàu biển xuất cảnh	Hàng hải và đường thủy
157.	1.004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy
158.	1.003978	Tàu biển nhập cảnh tại cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Hàng hải và đường thủy
159.	1.00397	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy
160.	1.003934	Tàu biển xuất cảnh tại cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Hàng hải và đường thủy
161.	1.00393	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy
162.	2.001659	Xóa đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy
163.	2.001655	Tàu biển quá cảnh	Hàng hải và đường thủy
164.	1.003897	Cấp lại Giấy phép lái tàu	Đường sắt

165.	1.003878	Tàu thuyền có trọng tải từ 200 tấn trở xuống, mang cờ quốc tịch của quốc gia có chung đường biên giới với Việt Nam nhập cảnh, xuất cảnh tại khu vực biên giới của Việt Nam và quốc gia đó	Hàng hải và đường thủy
166.	1.003829	Tàu biển hoạt động tuyến nội địa vào cảng biển và tàu biển Việt Nam đã nhập cảnh sau đó vào cảng biển khác của Việt Nam (bao gồm cả tàu quân sự, tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động, thủy phi cơ, phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB và các phương tiện thủy khác không quy định tại các khoản 2, 3 Điều 72 Nghị định 58/2017/NĐ-CP)	Hàng hải và đường thủy
167.	1.003785	Tàu biển hoạt động tuyến nội địa rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam (bao gồm cả tàu quân sự, tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động, thủy phi cơ, phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB và các phương tiện thủy khác không quy định tại các khoản 2, 3 Điều 72 Nghị định 58/2017/NĐ-CP)	Hàng hải và đường thủy
168.	2.00158	Tàu biển đang đóng hoặc sửa chữa, hoán cải chạy thử	Hàng hải và đường thủy
169.	1.00364	Gia hạn thời gian lưu lại lãnh thổ Việt Nam cho phương tiện vận tải thủy của Campuchia	Hàng hải và đường thủy
170.	1.003614	Cấp giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ	Hàng hải và đường thủy
171.	1.003592	Cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ	Hàng hải và đường thủy
172.	1.00357	Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	Hàng hải và đường thủy
173.	1.003391	Thủ tục cho phương tiện thủy nội địa vào cảng biển (trừ phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB)	Hàng hải và đường thủy
174.	1.003286	Thủ tục cho phương tiện thủy nội địa rời cảng biển (trừ phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB)	Hàng hải và đường thủy
175.	1.003135	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Hàng hải và đường thủy

176.	1.003011	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc
177.	2.001219	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	Hàng hải và đường thủy
178.	1.002877	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Đường bộ
179.	1.002861	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	Đường bộ
180.	1.002856	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	Đường bộ
181.	1.002847	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào	Đường bộ
182.	1.002829	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS	Đường bộ
183.	1.002817	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc số TAD	Đường bộ
184.	1.002798	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác	Đường bộ
185.	1.002771	Phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm	Hàng hải và đường thủy
186.	1.002701	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc
187.	1.002693	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	Hạ tầng kỹ thuật
188.	2.001116	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	Giám định tư pháp

189.	1.00265	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng (bao gồm: hệ thống cáp pha trượt; hệ thống cáp pha leo; hệ giàn thép ván khuôn trượt; máy khoan, máy ép cọc, đóng cọc chuyên dùng có hệ thống tời nâng; máy bơm bê tông; cần trục tháp; máy vận thăng sử dụng trong thi công xây dựng; máy thi công công trình hầm, ngầm; hệ giàn giáo thép, thanh, cột chống tổ hợp; sàn treo nâng người sử dụng trong thi công xây dựng)	Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động
190.	1.002636	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng	Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động
191.	1.002613	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng	Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động
192.	1.002589	Cấp chứng chỉ kiểm định viên cho các cá nhân thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng	Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động
193.	1.002551	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên cho các cá nhân thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng	Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động
194.	2.001034	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam	Đường bộ
195.	1.002381	Giới thiệu đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Việt Nam	Đường bộ

196.	1.002374	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Trung Quốc	Đường bộ
197.	1.002357	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam	Đường bộ
198.	1.002349	Tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Hàng hải và đường thủy
199.	1.002334	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc	Đường bộ
200.	1.002286	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	Đường bộ
201.	1.002268	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Đường bộ
202.	1.002249	Đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng	Hàng hải và đường thủy
203.	1.002063	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	Đường bộ
204.	1.002046	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	Đường bộ
205.	1.00187	Đổi tên cảng cạn	Hàng hải và đường thủy
206.	1.001777	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái	Đường bộ
207.	2.000795	Đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo	Hàng hải và đường thủy
208.	1.001765	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	Đường bộ
209.	1.001751	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái	Đường bộ
210.	1.001737	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	Đường bộ
211.	1.001725	Cấp đổi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	Đường bộ

212.	1.001717	Cấp lại chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	Đường bộ
213.	1.001692	Cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	Đường bộ
214.	2.000769	Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (trường hợp cơ sở đào tạo đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động)	Đường bộ
215.	1.001666	Chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	Đường bộ
216.	1.001623	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo	Đường bộ
217.	1.001577	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	Đường bộ
218.	1.001322	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Đăng kiểm
219.	1.001296	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Đăng kiểm
220.	1.001284	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa	Đăng kiểm
221.	1.001223	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải	Hàng hải và đường thủy
222.	1.001131	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện nhập khẩu	Đăng kiểm
223.	1.001061	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	Đường bộ
224.	1.001046	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	Đường bộ
225.	1.001023	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	Đường bộ
226.	1.00094	Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động	Hàng hải và đường thủy
227.	1.000892	Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển	Hàng hải và đường thủy
228.	2.000378	Cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ	Hàng hải và đường thủy

229.	1.000703	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ	Đường bộ
230.	1.000672	Công bố lại bến xe khách	Đường bộ
231.	1.00066	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	Đường bộ
232.	1.000344	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy
233.	1.000321	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia	Đường bộ
234.	1.000314	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	Đường bộ
235.	1.000302	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia	Đường bộ
236.	1.000294	Bãi bỏ đường ngang	Đường sắt
237.	1.000028	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	Đường bộ

VIII. SỞ TƯ PHÁP

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực
1.	1.013859	Cấp thẻ công chứng viên	Công chứng
2.	1.013856	Công nhận Điều lệ của Văn phòng công chứng được thành lập trước ngày 01/7/2025	Công chứng
3.	1.013849	Chuyển đổi Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thành Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	Công chứng
4.	1.013852	Bán Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân	Công chứng
5.	1.013846	Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của toàn bộ thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng	Công chứng
6.	1.01384	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	Công chứng
7.	1.013848	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng vốn góp	Công chứng
8.	1.013836	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	Công chứng

9.	1.013853	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được bán	Công chứng
10.	1.013843	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	Công chứng
11.	1.013832	Thu hồi Thẻ công chứng viên	Công chứng
12.	1.013842	Sáp nhập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	Công chứng
13.	1.013837	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng do bị mất, hỏng	Công chứng
14.	1.013834	Thành lập Văn phòng công chứng	Công chứng
15.	1.013839	Hợp nhất Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	Công chứng
16.	1.013835	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	Công chứng
17.	1.013818	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	Công chứng
18.	1.01383	Cấp lại Thẻ công chứng viên	Công chứng
19.	1.013816	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Công chứng
20.	1.01381	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Công chứng
21.	1.013808	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Công chứng
22.	1.013806	Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài	Công chứng
23.	1.013805	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	Công chứng
24.	3.000444	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng	Công chứng
25.	1.013807	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	Công chứng
26.	1.013804	Bổ nhiệm lại công chứng viên	Công chứng
27.	1.013812	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Công chứng
28.	1.013803	Bổ nhiệm công chứng viên	Công chứng
29.	1.013635	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản
30.	1.013634	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản

31.	1.011443	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm
32.	1.011445	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm
33.	1.011444	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm
34.	1.011442	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm
35.	1.011441	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm
36.	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch
37.	1.009832	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp cấp tỉnh	Giám định tư pháp
38.	1.009284	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc (cấp tỉnh)	Hòa giải thương mại
39.	1.009283	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài (cấp tỉnh)	Hòa giải thương mại
40.	1.008936	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại
41.	1.008934	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại
42.	1.008932	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại
43.	1.008937	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại
44.	1.008935	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại
45.	1.008933	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại
46.	1.008931	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại
47.	1.00893	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại
48.	1.008929	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại

49.	1.008926	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	Thừa phát lại
50.	1.008924	Bổ nhiệm lại Thừa phát lại	Thừa phát lại
51.	1.008923	Miễn nhiệm Thừa phát lại (trường hợp được miễn nhiệm)	Thừa phát lại
52.	1.008922	Bổ nhiệm Thừa phát lại	Thừa phát lại
53.	1.008928	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại	Thừa phát lại
54.	1.008927	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại	Thừa phát lại
55.	1.008925	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	Thừa phát lại
56.	1.008921	Công nhận tương đương đào tạo nghề Thừa phát lại ở nước ngoài	Thừa phát lại
57.	1.008916	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại
58.	1.008915	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác	Hòa giải thương mại
59.	1.008914	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại
60.	1.008912	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc Tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	Hòa giải thương mại
61.	1.008905	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Trọng tài thương mại

62.	1.008913	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác	Hòa giải thương mại
63.	1.008906	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại
64.	1.008904	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại
65.	1.00889	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại
66.	1.008888	Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại
67.	1.008887	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài hoặc Tổ chức trọng tài nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam đã chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	Trọng tài thương mại
68.	1.008886	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại
69.	1.008889	Đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại
70.	1.008885	Chấm dứt hoạt động Trung tâm trọng tài theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài	Trọng tài thương mại

71.	1.008727	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quản tài viên
72.	1.008709	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	Luật sư
73.	1.008628	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý	Luật sư
74.	1.008624	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư	Luật sư
75.	1.008614	Thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư	Luật sư
76.	3.000024	Đề nghị thanh toán chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa
77.	1.005464	Đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa
78.	2.002193	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường (cấp tỉnh)	Bồi thường nhà nước
79.	2.002192	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp tỉnh)	Bồi thường nhà nước
80.	2.002191	Phục hồi danh dự (cấp tỉnh)	Bồi thường nhà nước
81.	2.002139	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản
82.	2.002047	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại	Hòa giải thương mại
83.	2.002039	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	Quốc tịch
84.	2.002038	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch
85.	2.002036	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch
86.	1.005136	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch
87.	1.004878	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha đẻ, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	Nuôi con nuôi
88.	2.001895	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	Quốc tịch

89.	2.001716	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	Hòa giải thương mại
90.	1.003976	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	Nuôi con nuôi
91.	2.001687	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý
92.	2.00168	Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý
93.	1.003915	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá	Đấu giá tài sản
94.	2.001395	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản
95.	2.001333	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản
96.	1.003198	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi	Nuôi con nuôi
97.	1.003179	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	Nuôi con nuôi
98.	1.00316	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Nuôi con nuôi
99.	2.001258	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản
100.	2.001247	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản
101.	2.001225	Phê duyệt Trang thông tin đấu giá trực tuyến	Đấu giá tài sản
102.	2.00113	Cấp Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên	Quản tài viên
103.	1.002681	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về luật sư, kiểm toán viên là người nước ngoài theo quy định của pháp luật về kiểm toán	Quản tài viên
104.	2.001117	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên	Quản tài viên
105.	1.002626	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	Quản tài viên

106.	1.002398	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	Luật sư
107.	1.002384	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	Luật sư
108.	1.002368	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư
109.	2.000977	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư	Trợ giúp pháp lý
110.	1.002234	Sáp nhập công ty luật	Luật sư
111.	2.00097	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	Trợ giúp pháp lý
112.	1.002218	Hợp nhất công ty luật	Luật sư
113.	1.002198	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư
114.	2.000954	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý
115.	1.002181	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư
116.	1.002153	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	Luật sư
117.	1.002099	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư
118.	1.002079	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	Luật sư
119.	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Chứng thực
120.	1.002055	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Luật sư
121.	1.002032	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư
122.	2.000894	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp cấp tỉnh	Giám định tư pháp
123.	2.00089	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp

124.	1.00201	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư
125.	2.000884	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Chứng thực
126.	1.001928	Công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài	Luật sư
127.	2.00084	Thủ tục chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý
128.	2.000829	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý
129.	2.000823	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp
130.	1.001842	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quản tài viên
131.	2.000822	Thành lập, đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài	Trọng tài thương mại
132.	2.000819	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài	Trọng tài thương mại
133.	2.000815	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Chứng thực
134.	1.001633	Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở, văn phòng đại diện, chi nhánh, người đại diện theo pháp luật, danh sách Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quản tài viên
135.	1.001609	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại
136.	1.0016	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	Quản tài viên
137.	2.000635	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Hộ tịch

138.	1.001248	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại
139.	2.000596	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý
140.	1.001233	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý
141.	2.000592	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý
142.	2.000587	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý
143.	1.001216	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp cấp tỉnh	Giám định tư pháp
144.	2.000568	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp
145.	2.000555	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp
146.	1.001122	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp cấp tỉnh	Giám định tư pháp
147.	1.001117	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	Giám định tư pháp
148.	2.000518	Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý
149.	2.000515	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động (cấp tỉnh)	Hòa giải thương mại
150.	1.000828	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	Luật sư
151.	1.000802	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá	Đấu giá tài sản

152.	1.000688	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư	Luật sư
153.	1.000627	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	Tư vấn pháp luật
154.	1.000614	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	Tư vấn pháp luật
155.	1.000588	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	Tư vấn pháp luật
156.	1.000426	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật
157.	1.000404	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật
158.	1.00039	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật

IX. SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực
1.	1.013801	Thủ tục cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm di sản tư liệu (địa phương)	Di sản văn hóa
2.	1.013782	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí
3.	1.013788	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản đặc san đối với các cơ quan, tổ chức ở địa phương	Báo chí
4.	1.013785	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí
5.	1.01379	Thủ tục tiếp nhận đăng ký danh mục báo chí nhập khẩu	Báo chí
6.	1.013786	Thủ tục cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí
7.	1.013784	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí
8.	1.013789	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung trong giấy phép xuất bản đặc san đối với các cơ quan, tổ chức ở địa phương	Báo chí
9.	1.013787	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí

10.	1.013783	Thủ tục cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí
11.	1.013781	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí
12.	2.002774	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
13.	2.002772	Thủ tục cấp giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
14.	1.013698	Thủ tục cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Xuất Bản, In và Phát hành
15.	2.002773	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
16.	1.013701	Thủ tục điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Xuất Bản, In và Phát hành
17.	1.013699	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Xuất Bản, In và Phát hành
18.	1.0137	Thủ tục gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Xuất Bản, In và Phát hành
19.	1.013456	Thủ tục cấp phép nhập khẩu di vật, cổ vật không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	Di sản văn hóa
20.	2.00274	Cấp lại giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
21.	2.002739	Sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
22.	2.002738	Gia hạn giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

23.	1.012082	Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình
24.	1.012081	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình
25.	1.01208	Cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình
26.	1.011454	Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim (thẩm quyền của ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Điện ảnh
27.	1.009403	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	Nghệ thuật biểu diễn
28.	1.009398	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	Nghệ thuật biểu diễn
29.	1.009399	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	Nghệ thuật biểu diễn
30.	1.009397	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	Nghệ thuật biểu diễn
31.	1.009386	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	Báo chí
32.	1.009374	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	Báo chí
33.	1.008201	Thủ tục cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	Xuất Bản, In và Phát hành
34.	1.006412	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Hợp tác quốc tế
35.	2.002188	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	Thể dục thể thao
36.	1.005452	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

37.	1.005357	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	Thể dục thể thao
38.	1.005163	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	Thể dục thể thao
39.	1.005162	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	Thể dục thể thao
40.	1.004666	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Quảng cáo
41.	1.004662	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Quảng cáo
42.	1.00465	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	Quảng cáo
43.	1.004645	Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	Quảng cáo
44.	1.004639	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Quảng cáo
45.	1.004628	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Du lịch
46.	1.004623	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Du lịch
47.	1.004614	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	Du lịch
48.	1.004605	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Du lịch
49.	1.004594	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch	Du lịch
50.	1.00458	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Du lịch
51.	1.004572	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Du lịch
52.	1.004551	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Du lịch
53.	1.004528	Thủ tục công nhận điểm du lịch	Du lịch

54.	1.004508	Cấp giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
55.	1.004503	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Du lịch
56.	2.001765	Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
57.	1.004153	Cấp giấy phép hoạt động in (cấp địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành
58.	2.001744	Cấp lại giấy phép hoạt động in (cấp địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành
59.	2.00174	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in (cấp địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành
60.	2.001737	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in (cấp địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành
61.	1.003901	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	Di sản văn hóa
62.	1.003888	Thủ tục trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (địa phương)	Thông tin đối ngoại
63.	2.001641	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	Di sản văn hóa
64.	1.003868	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	Xuất Bản, In và Phát hành
65.	2.001631	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Di sản văn hóa
66.	2.001628	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Du lịch
67.	2.001622	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Du lịch
68.	1.003838	Thủ tục cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	Di sản văn hóa
69.	1.003835	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	Di sản văn hóa
70.	2.001616	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Du lịch

71.	2.001613	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Di sản văn hóa
72.	2.001611	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	Du lịch
73.	1.003793	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Di sản văn hóa
74.	1.003784	Thủ tục thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	Hoạt động mua bán quốc tế chuyên ngành văn hóa
75.	2.001594	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành
76.	2.001591	Thủ tục cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	Di sản văn hóa
77.	2.001589	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	Du lịch
78.	2.001584	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (cấp địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành
79.	1.003743	Thủ tục kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh trước khi xuất khẩu cấp tỉnh	Văn hóa
80.	1.003742	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	Du lịch
81.	1.003738	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Di sản văn hóa
82.	1.003729	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành
83.	1.003725	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh (địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành
84.	1.003717	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Du lịch
85.	2.001564	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành
86.	1.003676	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Văn hóa
87.	1.003654	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Văn hóa

88.	1.003646	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	Di sản văn hóa
89.	1.00356	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh	Hoạt động mua bán quốc tế chuyên ngành văn hóa
90.	2.001496	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
91.	1.00349	Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh	Du lịch
92.	1.003483	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	Xuất Bản, In và Phát hành
93.	1.003441	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	Thẻ dực thể thao
94.	1.003384	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
95.	1.003275	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng* hoặc bị tiêu hủy	Du lịch
96.	1.00324	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	Du lịch
97.	1.003114	Thủ tục cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	Xuất Bản, In và Phát hành
98.	1.003002	Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Du lịch
99.	2.001173	Cho phép hợp báo nước ngoài (địa phương)	Báo chí
100.	2.001171	Cho phép hợp báo trong nước (địa phương)	Báo chí
101.	2.001098	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

102.	2.001091	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
103.	2.001087	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
104.	1.002445	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	Thể dục thể thao
105.	1.002396	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	Thể dục thể thao
106.	1.002022	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	Thể dục thể thao
107.	1.002013	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	Thể dục thể thao
108.	1.002003	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	Di sản văn hóa
109.	1.002001	Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
110.	1.001988	Cấp lại giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
111.	1.001976	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
112.	1.001837	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Du lịch
113.	1.001833	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
114.	1.001822	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	Di sản văn hóa
115.	1.001809	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
116.	1.001801	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	Thể dục thể thao

117.	1.001782	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Thể dục thể thao
118.	1.001778	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
119.	1.001755	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
120.	1.001738	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
121.	1.001704	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
122.	1.001671	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
123.	1.001527	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	Thể dục thể thao
124.	1.001517	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	Thể dục thể thao
125.	1.0015	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	Thể dục thể thao
126.	1.001455	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Du lịch
127.	1.00144	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	Du lịch
128.	1.001432	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Du lịch
129.	1.001376	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)	Thi đua – Khen thưởng
130.	1.001229	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm

131.	1.001213	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Môn tô nước trên biển	Thẻ dực thể thao
132.	1.001211	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
133.	1.001195	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	Thẻ dực thể thao
134.	1.001191	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
135.	1.001182	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
136.	1.001147	Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
137.	1.001123	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	Di sản văn hóa
138.	1.001108	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)	Thi đua – Khen thưởng
139.	1.001106	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	Di sản văn hóa
140.	1.001091	Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Hợp tác quốc tế
141.	1.001082	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Hợp tác quốc tế
142.	1.001056	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	Thẻ dực thể thao
143.	1.001032	Thủ tục xét tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	Thi đua – Khen thưởng
144.	1.001029	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	Văn hóa
145.	1.001008	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	Văn hóa

146.	1.000983	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Thẻ dực thể thao
147.	1.000971	Thủ tục xét tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	Thi đua – Khen thưởng
148.	1.000963	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	Văn hóa
149.	1.000953	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	Thẻ dực thể thao
150.	1.000936	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	Thẻ dực thể thao
151.	1.000922	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	Văn hóa
152.	1.00092	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	Thẻ dực thể thao
153.	1.000904	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	Thẻ dực thể thao
154.	1.000883	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	Thẻ dực thể thao
155.	1.000871	Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật	Thi đua – Khen thưởng
156.	1.000863	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker	Thẻ dực thể thao
157.	1.000847	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	Thẻ dực thể thao
158.	1.000842	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	Thẻ dực thể thao
159.	1.00083	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	Thẻ dực thể thao
160.	1.000814	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	Thẻ dực thể thao

161.	1.000644	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ	Thể dục thể thao
162.	1.000594	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí	Thể dục thể thao
163.	1.000564	Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật	Thi đua – Khen thưởng
164.	1.00056	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	Thể dục thể thao
165.	1.000544	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	Thể dục thể thao
166.	1.000518	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	Thể dục thể thao
167.	1.000501	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	Thể dục thể thao
168.	1.000485	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	Thể dục thể thao

X. SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực
1.	3.000488	Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường.	An toàn bức xạ và hạt nhân
2.	3.000487	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố bổ sung, điều chỉnh phạm vi đào tạo	An toàn bức xạ và hạt nhân
3.	3.000485	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc	An toàn bức xạ và hạt nhân
4.	3.000486	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ năng lực thực hiện hoạt động đào tạo	An toàn bức xạ và hạt nhân
5.	3.000483	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực	An toàn bức xạ và hạt nhân

		hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước	
6.	3.000482	Thủ tục cấp bổ sung thẻ chuyên gia tư vấn, thẻ chuyên gia đánh giá cho tổ chức tư vấn, tổ chức chứng nhận	An toàn bức xạ và hạt nhân
7.	3.000478	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập	An toàn bức xạ và hạt nhân
8.	3.000484	Thủ tục đăng ký cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước	An toàn bức xạ và hạt nhân
9.	3.000481	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận và thẻ cho chuyên gia trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc	An toàn bức xạ và hạt nhân
10.	3.000479	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận	An toàn bức xạ và hạt nhân
11.	3.000477	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập	Bưu chính
12.	3.000480	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận	Bưu chính
13.	3.000476	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn	Bưu chính

14.	3.000475	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn	Bưu chính
15.	3.000474	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân (đối với các giải thưởng do cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã - hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, Hội, Hiệp hội ở Trung ương, Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố tổ chức)	Bưu chính
16.	3.000472	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường	Bưu chính
17.	3.000471	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường	Bưu chính
18.	3.000470	Thủ tục điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Hoạt động khoa học và công nghệ
19.	3.000473	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	Hoạt động khoa học và công nghệ
20.	3.000469	Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Hoạt động khoa học và công nghệ
21.	2.002795	Cấp giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao	Hoạt động khoa học và công nghệ
22.	1.013976	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Hoạt động khoa học và công nghệ
23.	2.002794	Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển	Hoạt động khoa học và công nghệ
24.	1.013972	Thủ tục cấp pho bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.	Hoạt động khoa học và công nghệ

25.	1.013969	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho cá nhân.	Hoạt động khoa học và công nghệ
26.	1.013968	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Hoạt động khoa học và công nghệ
27.	1.013974	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc	Hoạt động khoa học và công nghệ
28.	1.013973	Thủ tục ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế	Hoạt động khoa học và công nghệ
29.	1.013970	Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Hoạt động khoa học và công nghệ
30.	1.013971	Thủ tục cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn trong sử dụng thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	Hoạt động khoa học và công nghệ
31.	1.013960	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho cá nhân	Hoạt động khoa học và công nghệ
32.	1.013958	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	Hoạt động khoa học và công nghệ
33.	1.013966	Thủ tục cấp phó bản văn bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ	Hoạt động khoa học và công nghệ
34.	1.013964	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho tổ chức.	Hoạt động khoa học và công nghệ
35.	1.013963	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp	Hoạt động khoa học và công nghệ
36.	1.013959	Thủ tục thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	Hoạt động khoa học và công nghệ
37.	1.013957	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho tổ chức	Hoạt động khoa học và công nghệ
38.	1.013955	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Hoạt động khoa học và công nghệ

39.	1.013961	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao-	Hoạt động khoa học và công nghệ
40.	1.013954	Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp	Hoạt động khoa học và công nghệ
41.	1.013956	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	Hoạt động khoa học và công nghệ
42.	1.013951	Cấp giấy phép sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	Hoạt động khoa học và công nghệ
43.	1.013948	Khai báo thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.	Hoạt động khoa học và công nghệ
44.	1.013944	Thủ tục Xác nhận phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư -	Hoạt động khoa học và công nghệ
45.	1.013940	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ -	Hoạt động khoa học và công nghệ
46.	1.013942	Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Hoạt động khoa học và công nghệ
47.	3.000464	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	Hoạt động khoa học và công nghệ
48.	1.013936	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ -	Hoạt động khoa học và công nghệ
49.	3.000462	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	Hoạt động khoa học và công nghệ
50.	1.013935	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư	Hoạt động khoa học và công nghệ
51.	3.000460	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Hoạt động khoa học và công nghệ

52.	2.002793	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư	Hoạt động khoa học và công nghệ
53.	1.013943	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ -	Hoạt động khoa học và công nghệ
54.	2.002792	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải	Hoạt động khoa học và công nghệ
55.	2.002791	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải	Hoạt động khoa học và công nghệ
56.	1.013939	Thủ tục Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ -	Hoạt động khoa học và công nghệ
57.	3.000463	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	Hoạt động khoa học và công nghệ
58.	3.000459	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Hoạt động khoa học và công nghệ
59.	1.013941	Cấp Giấy phép thành lập lần đầu cho Văn phòng đại diện, Chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam-	Hoạt động khoa học và công nghệ
60.	1.013938	Cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài-	Hoạt động khoa học và công nghệ
61.	3.000461	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	Hoạt động khoa học và công nghệ
62.	1.013933	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ -	Hoạt động khoa học và công nghệ
63.	3.000458	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Hoạt động khoa học và công nghệ
64.	3.000457	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	Hoạt động khoa học và công nghệ
65.	3.000456	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	Hoạt động khoa học và công nghệ

66.	1.013931	Thủ tục Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ
67.	1.013926	Đề nghị thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài	Hoạt động khoa học và công nghệ
68.	1.013925	Thủ tục ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp	Hoạt động khoa học và công nghệ
69.	3.000451	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Hoạt động khoa học và công nghệ
70.	3.000455	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	Hoạt động khoa học và công nghệ
71.	3.000452	Thủ tục chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký khi nhận được đề nghị không tiếp tục thực hiện toàn bộ lĩnh vực hoạt động đã được chứng nhận đăng ký của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Hoạt động khoa học và công nghệ
72.	1.013922	Thủ tục thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Hoạt động khoa học và công nghệ
73.	3.000454	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Hoạt động khoa học và công nghệ
74.	3.000453	Thủ tục cấp đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Hoạt động khoa học và công nghệ
75.	1.013928	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Hoạt động khoa học và công nghệ
76.	1.013927	Thủ tục Cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ -	Hoạt động khoa học và công nghệ
77.	1.013919	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	Hoạt động khoa học và công nghệ
78.	3.000450	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	Sở hữu trí tuệ
79.	1.013918	Thủ tục Chấp thuận chuyển giao công nghệ -	Sở hữu trí tuệ

80.	1.013924	Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ
81.	1.013917	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Sở hữu trí tuệ
82.	1.013920	Đề nghị thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc ở nước ngoài	Sở hữu trí tuệ
83.	1.013916	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ
84.	1.013915	Gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Sở hữu trí tuệ
85.	1.013914	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Sở hữu trí tuệ
86.	1.013912	Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	Sở hữu trí tuệ
87.	1.013913	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Sở hữu trí tuệ
88.	1.013904	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	Sở hữu trí tuệ
89.	1.013902	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	Sở hữu trí tuệ

90.	1.013901	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	Sở hữu trí tuệ
91.	2.002788	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	Sở hữu trí tuệ
92.	2.002786	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	Sở hữu trí tuệ
93.	1.013908	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	Sở hữu trí tuệ
94.	1.013907	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Sở hữu trí tuệ
95.	1.013906	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Sở hữu trí tuệ
96.	1.013905	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Sở hữu trí tuệ
97.	2.002789	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	Sở hữu trí tuệ

98.	2.002785	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	Sở hữu trí tuệ
99.	1.013897	Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị	Sở hữu trí tuệ
100.	2.002784	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	Tần số vô tuyến điện
101.	1.013911	Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá	Tần số vô tuyến điện
102.	1.013903	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	Tần số vô tuyến điện
103.	1.013900	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Tần số vô tuyến điện
104.	1.013899	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Tần số vô tuyến điện
105.	1.013910	Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá	Tần số vô tuyến điện
106.	1.013909	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Tần số vô tuyến điện

107.	2.002790	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	Tần số vô tuyến điện
108.	2.002787	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện
109.	2.002782	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện
110.	2.002779	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện
111.	2.002783	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	Tần số vô tuyến điện
112.	2.002780	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	Tần số vô tuyến điện
113.	2.002778	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện
114.	1.013885	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng có định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông	Tần số vô tuyến điện

115.	1.013888	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông	Tần số vô tuyến điện
116.	1.013877	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Tần số vô tuyến điện
117.	2.002775	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện
118.	2.002781	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện
119.	2.002777	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện
120.	2.002776	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
121.	1.013819	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng sơ thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng

122.	2.002724	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
123.	2.002723	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
124.	2.002722	Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
125.	2.002711	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
126.	2.002710	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
127.	2.002709	Thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
128.	3.000259	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
129.	2.002609	Thủ tục xác nhận dự án đầu tư đáp ứng nguyên tắc hoạt động công nghệ cao trong khu công nghệ cao	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
130.	1.012353	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
131.	1.011938	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
132.	1.011939	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
133.	1.011937	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
134.	1.011820	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước (cấp tỉnh)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng

135.	1.011818	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
136.	1.011819	Thủ tục đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
137.	1.011816	(Cấp tỉnh) Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
138.	1.011814	(Cấp tỉnh) Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
139.	1.011812	(Cấp tỉnh) Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
140.	1.011815	(Cấp tỉnh) Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
141.	2.002548	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
142.	2.002546	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
143.	2.002544	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
144.	2.002502	Thủ tục yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
145.	1.010902	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bur chính (cấp Tỉnh)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng

146.	2.002385	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
147.	2.002383	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
148.	2.002384	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
149.	2.002382	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
150.	2.002381	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
151.	2.002380	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
152.	2.002379	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế).	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
153.	1.008377	Thủ tục xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ (Cấp Tỉnh)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
154.	1.008379	Thủ tục xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác (Cấp Tỉnh)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
155.	2.002278	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (cấp tỉnh)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
156.	2.002253	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân.	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
157.	2.002249	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
158.	2.002248	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng

159.	1.006427	Thủ tục đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước (cấp tỉnh)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
160.	1.005442	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (cấp tỉnh)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
161.	2.002144	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
162.	1.004470	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (cấp tỉnh)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
163.	1.004379	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (cấp tỉnh)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
164.	2.001643	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
165.	1.003687	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính (cấp tỉnh)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
166.	1.003659	Cấp giấy phép bưu chính (cấp tỉnh)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
167.	1.003633	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn (cấp tỉnh)	Viễn thông và Internet
168.	2.001525	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	Viễn thông và Internet
169.	2.001501	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (cấp tỉnh)	Viễn thông và Internet
170.	2.001277	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	Viễn thông và Internet
171.	2.001269	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia	Viễn thông và Internet

172.	2.001259	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	Viễn thông và Internet
173.	2.001209	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	Viễn thông và Internet
174.	2.001208	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận (cấp tỉnh)	Viễn thông và Internet
175.	2.001207	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	Viễn thông và Internet
176.	2.001179	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	Viễn thông và Internet
177.	2.001143	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.	Viễn thông và Internet
178.	2.001137	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ.	Viễn thông và Internet
179.	1.002690	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ.	Viễn thông và Internet
180.	2.001100	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định (cấp tỉnh)	Viễn thông và Internet
181.	1.001786	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	Viễn thông và Internet
182.	1.001770	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	Viễn thông và Internet
183.	1.001747	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	Viễn thông và Internet
184.	1.001716	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Viễn thông và Internet

185.	1.001693	Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Viễn thông và Internet
186.	1.001677	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Viễn thông và Internet
187.	1.001392	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu (cấp tỉnh)	Viễn thông và Internet
188.	2.000212	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng	Viễn thông và Internet
189.	1.000449	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	Viễn thông và Internet
190.	2.000079	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	Viễn thông và Internet

XI. SỞ NGOẠI VỤ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực
1.	2.002354	Thủ tục cấp công hàm đề nghị phía nước ngoài cấp thị thực tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao	Công tác lãnh sự
2.	2.002353	Thủ tục gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử) tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao.	Công tác lãnh sự
3.	2.002352	Thủ tục cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử) tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao	Công tác lãnh sự
4.	2.002313	Thủ tục cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	Hội nghị, hội thảo quốc tế
5.	2.002314	Thủ tục cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	Hội nghị, hội thảo quốc tế
6.	2.002312	Thủ tục cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	Hội nghị, hội thảo quốc tế

7.	2.002311	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	Hội nghị, hội thảo quốc tế
8.	1.001308	Thủ tục chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ, tài liệu tại các cơ quan ở trong nước	Chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự
9.	1.000671	Cử phóng viên thường trú tại các địa phương khác của Việt Nam	Báo chí
10.	2.000238	Thủ tục chứng nhận xuất trình giấy tờ, tài liệu tại Bộ Ngoại giao	Chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự

XII. BAN QUẢN CÁC LÝ KHU CÔNG NGHIỆP

STT	MÃ TTHC	TÊN TTHC	GHI CHÚ
A	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM		
1	1.009748.0 00.00.00.H 23	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	
2	1.009756.0 00.00.00.H 23	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	
3	1.009757.0 00.00.00.H 23	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
4	1.009759.0 00.00.00.H 23	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý	
5	1.009760.0 00.00.00.H 23	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	
6	1.009762.0 00.00.00.H 23	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	
7	1.009763.0 00.00.00.H 23	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	

8	1.009764.0 00.00.00.H 23	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	
9	1.009765.0 00.00.00.H 23	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	
10	1.009766.0 00.00.00.H 23	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	
11	1.009767.0 00.00.00.H 23	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	
12	1.009768.0 00.00.00.H 23	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	
13	1.009769.0 00.00.00.H 23	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	
14	1.009770.0 00.00.00.H 23	Gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	
15	1.009771.0 00.00.00.H 23	Ngừng hoạt động của dự án đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	

16	1.009772.0 00.00.00.H 23	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	
17	1.009773.0 00.00.00.H 23	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
18	1.009774.0 00.00.00.H 23	Thủ tục cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
19	1.009775.0 00.00.00.H 23	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	
20	1.009776.0 00.00.00.H 23	Thủ tục Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	
21	1.009777.0 00.00.00.H 23	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	
22	2.002725. H23	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	
23	2.002726. H23	Thủ tục điều chỉnh mục tiêu hoạt động của dự án thực hiện theo thủ tục đầu tư đặc biệt	
24	2.002727. H23	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	
B	LĨNH VỰC KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ		
1	2.002728. H23	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái	
2	2.002729. H23	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái	
3	2.002731. H23	Thủ tục chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái	
4	2.002732. H23	Thủ tục chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái	
C	LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ		
1	2.000063.0 00.00.00.H 23	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (Dùng chung của Sở Công thương)	
2	2.000450.0 00.00.00.H 23	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	

3	2.000347.0 00.00.00.H 23	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
4	2.000327.0 00.00.00.H 23	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
5	2.000314.0 00.00.00.H 23	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
D	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG		
1	<u>1.013239.H23</u>	Thủ tục thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	
2	<u>1.013234.H23</u>	Thủ tục thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh.	
3	1.013236. H23	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng mới công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án):	
4	1.013238. H23	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	
5	1.013230. H23	Thủ tục cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	

6	1.013231. H23	Thủ tục cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	
7	1.013233. H23	Thủ tục gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	
8	1.013235. H23	Thủ tục cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	
E	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XD		
1	1.009791.0 00.00.00.H 23	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	
2	1.009794.0 00.00.00.H 23	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	
3	1.009788.0 00.00.00.H 23	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh.	
G	LĨNH VỰC QUY HOẠCH, KIẾN TRÚC		
1	1.002701.0 00.00.00.H 23	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	
2	1.003011.00 0.00.00.H23	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	

H	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG		
1	2.001955.0 00.00.00.H 23	Thủ tục Đăng ký Nội quy lao động của doanh nghiệp	
I	LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC		
1	1.005132.0 00.00.00.H 23	Thủ tục Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	